

đào Panama. Ông có ý chí bất khuất của một thiên tài và là niềm hy vọng mà chúng tôi đã được nghe nói tới.

“Đấng quân vương có thể làm những việc như thần thánh mà quân vương là do loài người sinh ra.”

Đối với một thiên tài thì chẳng có gì là không thể! Hãy xem Tổng thống Wilson! Ông ta là người mang dòng máu Scotland.

[Tôi đây bàn thảo chấm dứt một cách đột ngột.]

Phụ lục

Cẩm nang bảo tồn của cải của Vua thép ANDREW CARNEGIE

*– Trích từ Tư liệu Các tổ chức phúc thiện
và tình nguyện ở Mỹ*

GÓC NHÌN CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG THỰC TẾ

Andrew Carnegie sinh năm 1835 tại Scotland, nước Anh trong một gia đình làm nghề dệt vải bằng khung cửi. Nghề dệt đã không còn chỗ đứng khi xuất hiện quá trình cơ khí hóa trong ngành công nghiệp dệt may, và có lẽ đây cũng là một trong những nguyên nhân tạo ra các cuộc vận động cải cách của giai cấp công nhân người Anh vào những năm 1830 và 1940. Đứng trước viễn cảnh tương lai ảm đạm của thành phố công nghiệp Scotland, gia đình Carnegie đã di cư sang Mỹ vào năm 1848.

Gia đình Carnegie quyết định định cư ở bang Pittsburgh, làm việc thủ công tại nhà, cha ông dệt vải còn mẹ ông đóng giày. Từ năm 12 tuổi Carnegie đã trở thành cậu bé luồn ống chỉ trong nhà máy dệt, kiếm được 2 đô-la một tuần. Một năm sau, ông rời nhà máy và trở thành người đưa tin cho Công ty Điện báo O'Reilly ở bang Pittsburgh. Trong vòng một năm rưỡi, ông trở thành người trực điện báo truyền tin nhanh nhất thành phố. Trong thời gian này, ông đã gây được sự chú ý với Thomas Scott, người giám sát cục Quản lý phía tây của Công ty đường sắt Pennsylvania. Năm 1853, Scott đề nghị chàng trai trẻ Carnegie làm thư ký riêng cho mình. Scott vốn là cánh tay phải đắc lực của J. Edgar Thomson, có tư tưởng cấp tiến về phương pháp quản lý, tổ chức quản trị của Công ty đường sắt Pennsylvania.

Trong suốt cuộc Nội chiến, Scott đã mang Carnegie tới Washington để hỗ trợ ông trong việc tái thiết các tuyến đường sắt và điện báo tư, cùng với Tướng Henry Halleck – một người lính và luật sư dày dạn kinh nghiệm trong ngành đường sắt. Khi Carnegie rời ngành đường sắt để bước chân vào ngành công nghiệp thép, ông đã tích lũy rất nhiều kinh nghiệm quản lý học được từ Thomson và những đồng nghiệp của ông.

Carnegie được xem là đại biểu cấp tiến điển hình của ngành quản trị kinh doanh hiện đại. Ông hiểu những thực tế từ nơi làm việc công nghiệp sơ khai đầu tiên, không chỉ bởi vì ông từng là công nhân trong xưởng sản xuất mà còn xuất phát từ những năm làm việc tại Công ty đường sắt Pennsylvania. Điểm nổi bật trong phong cách quản lý của ông là thường gặp gỡ trực tiếp các công nhân và tự mình giải quyết các vấn đề liên quan xảy ra.

Sự kết hợp giữa nền tảng truyền thống gia đình mang đậm tính cải cách xã hội của Anh và kiến thức cơ bản về nền công nghiệp, cộng thêm vai trò vừa là nghiệp chủ vừa là công nhân, đã giúp cho Carnegie sớm đánh giá cao những cải cách về kỹ thuật quản lý mới đối với các công xưởng, nhà máy cũng như với sự phát triển của tiến trình chính trị, kinh tế và xã hội của Mỹ. Ông đã tiên đoán trước về mối quan hệ tương lai giữa chủ nghiệp đoàn và công nhân.

Giữa thập niên 1880, khi xung đột giữa người lao động và nghiệp chủ đã dẫn rơi vào khủng hoảng sâu

sắc, đặc biệt là vấn đề ngày làm việc 8 tiếng, Carnegie bắt đầu tổng hợp các quan điểm của mình về vấn đề này qua bài báo phân tích “Giải đáp của các nghiệp chủ với những thắc mắc của công nhân” được phát hành trước khi xảy ra vụ nổ bom Haymarket⁷⁹. Carnegie tiếp cận vấn đề một cách thực tế, khác với các nhà tiểu thuyết và nhà báo nhìn nhận qua các khía cạnh đạo đức và luân lý.

Đứng trên lập trường của tác giả *Progress and Poverty* (Tiến bộ và nghèo đói) – Henry George, lập luận của Carnegie bắt đầu bằng việc thừa nhận trật tự công nghiệp mới là sự chuyển hướng cơ bản từ những trật tự trước đó. Ông đưa ra nhận định trên thông qua lịch sử các cuộc giải phóng người lao động từ chế độ phong kiến và nguồn gốc các phong trào giải phóng lao động hiện đại. Sau đó, ông tiến hành phân tích các thành quả của các cuộc giải phóng nhằm tìm ra biện pháp giải quyết sự bất bình đẳng về quyền lực trong hệ thống công nghiệp thông qua các mối quan hệ sở hữu công nhân, điều này sau đó đã trở thành điều lệ chính trong cam kết của Hiệp hội Người lao động, tổ chức công nhân lớn nhất ở Mỹ.

Xét về khía cạnh nhân đạo, Carnegie không tìm ra lý do nào để bác bỏ hình thức hợp tác xã, nên ông nêu lên câu hỏi về tính ứng dụng của nó. Đặc biệt ông nhận thấy

⁷⁹ Ngày 1/5/1886, hàng chục nghìn nhân công ở Chicago và các thành phố khác đã biểu tình đòi “Ngày làm việc 8 tiếng”. Ngày 4/5, tại Quảng trường Haymarket ở Chicago, một trái bom nổ giết chết một nhân viên cảnh sát.

hợp tác xã không thừa nhận tầm quan trọng của quản trị học là yếu tố để thành công trong kinh doanh:

Trên thực tế, ngày nay, các thành viên của giai cấp công nhân trên thế giới khó có thể tổ chức và điều hành kinh doanh nhà xưởng, thương mại và sản xuất cạnh tranh thành công với những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người vốn được đào tạo chỉ nhằm mục đích kinh doanh. Nếu người xuất thân từ tầng lớp công nhân tổ chức kinh doanh thành công cũng chỉ được công nhận rằng chủ yếu do một vài nhà quản lý có tài năng kinh doanh đặc biệt và chiếm quy mô nhỏ so với vô số nghiệp chủ có truyền thống lâu đời. Khả năng kinh doanh đặc biệt này rất hiếm, có thể chứng minh qua tỷ lệ phần đa những người công nhân đều thất bại trong kinh doanh.

Carnegie đánh giá mối quan hệ giữa nghiệp chủ và công nhân trong tương lai như sau: “Những nhà kinh doanh tài giỏi sẽ ngày càng đam mê kinh doanh khi thực hiện các thương vụ lớn, không phải vì mục tiêu khuếch trương thanh thế cá nhân mà vì lợi ích của những người công nhân”. Tuy nhiên ông không nhìn nhận điều này như một khả năng trực tiếp. (Đặc biệt, ý tưởng những nhà kinh doanh tài giỏi sẽ “thực hiện các thương vụ lớn, không vì trước hết cho mục tiêu khuếch trương thanh thế cá nhân” là biểu hiện sơ khai về hệ tư tưởng về trình độ quản lý chuyên môn hóa cao sẽ trở thành quan điểm chủ đạo trong Thời đại tiên tiến.

Nếu nghiệp chủ sở hữu nghiệp đoàn quy mô lớn không có khả năng cạnh tranh và không hứng thú với quản lý công nghiệp đặt trong tầm nhìn xa, làm thế nào người Mỹ có thể giải quyết được vấn đề bất bình đẳng nội tại của thể chế công nghiệp? Carnegie đã chú trọng phân tích mối quan hệ giữa tầng lớp công nhân về hưu và nghiệp chủ của họ. (Phân tích này đã dự đoán trước các cuộc vận động Liên đoàn Công dân kéo dài một thập kỷ trong tương lai). Ông ủng hộ tổ chức công đoàn. Rõ ràng, ngay từ lúc còn trẻ ông đã chịu ảnh hưởng của phong trào hiến chương và xã hội cơ khí, ông đánh giá liên đoàn là tổ chức hướng dẫn người công nhân hiểu về mối quan hệ giữa vốn tư bản và lao động cũng như thế chế để rèn luyện họ thành “những người công nhân ưu tú, lành nghề nhất”.

Carnegie nhận thấy những bước tiến quan trọng trong xã hội công nghiệp nhằm mang lại sự hòa giải giữa người công nhân và nghiệp chủ thuộc về bản chất nội tại của chính những nghiệp đoàn. Thừa nhận thực tế rằng mối quan hệ công nghiệp đang hình thành mạnh mẽ, và chủ yếu bị tác động bởi không phải những nghiệp chủ, mà bởi lương của công nhân. Những nghiệp chủ không thể thỏa mãn lợi ích lâu dài về phúc lợi xã hội của công nhân thì cũng chính họ phải nhận lấy hậu quả khắc nghiệt khi mức độ hài lòng của công nhân xuống thấp vào cuối năm. Điều này có thể dẫn đến công nhân nghỉ việc. Carnegie khuyến khích giới nghiệp chủ duy trì những cuộc đối thoại với công nhân bằng cách “thành lập nhóm những công nhân ưu tú nhất đại diện

cho ý kiến của đa số” để lắng nghe ý kiến của họ, tuy nhiên, cần phải dựa theo một quy chuẩn nhất định. Ông khuyến khích các nghiệp chủ linh hoạt hơn với những mong muốn, yêu cầu của công nhân, chỉ rõ rằng “một sự nhượng bộ nhỏ của một bộ phận nghiệp chủ sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho chính họ”. Những thỏa hiệp này đôi khi chẳng đáng là bao, nhưng nó không chỉ cải thiện mối quan hệ, mà còn tăng hiệu quả sản xuất thông qua những ý kiến mang tính xây dựng về quy trình công nghiệp. Ông đã đề xuất mức lương phù hợp với biến động của thị trường dựa trên mức giá của sản phẩm:

Chúng ta cần tìm cách để người công nhân nhận được lương cao khi nghiệp chủ của họ bán sản phẩm giá cao, và do đó kiếm được lợi nhuận cao, ngược lại khi nghiệp chủ bán sản phẩm với giá thấp, thu về lợi nhuận thấp, khi đó nhân công của họ cũng chỉ nhận được mức lương thấp. Nếu hiểu rõ điều này, nghiệp chủ và công nhân đều “cùng hội cùng thuyền”, vui vẻ hợp tác thành công.

Carnegie xét rất nhiều yếu tố bền vững, đa dạng dẫn chứng một loạt ví dụ về các hoạt động ở ngành công nghiệp sắt thép tại các nhà máy ở Chicago và Pittsburgh.

Trong khoảng thời gian xuất bản cuốn *An Employer's View of the Labor Question* (tạm dịch: Trả lời của nghiệp chủ đối với câu hỏi của người lao động) vào tháng 4 năm 1886 và bài báo thứ hai của ông, “Kết quả của cuộc đấu tranh lao động”, vào tháng 8 năm đó. Thời kỳ đó, nước Mỹ trải qua sự biến động lao động lớn nhất kể từ cuộc

đình công lớn nhất của công nhân đường sắt vào năm 1877. Gần nửa triệu công nhân trên toàn quốc đình công đòi làm việc ngày 8 tiếng. Ở Chicago, trong không khí kích động, một quả bom đã bị ném ở quảng trường Haymarket, giết chết 7 cảnh sát, kích động sự cuồng loạn và sự đàn áp chính trị của các nhóm lao động cơ bản. Ở Chicago và trên toàn quốc, phản ứng của dân chúng trở nên khá kích động và gay gắt, các tai nạn do bạo lực khiến tình hình ở Chicago trở nên giống với cuộc bạo động cải cách cơ bản. Không đồng tình với giới trí thức và các nhà bình luận kinh tế, Carnegie vẫn giữ quan điểm về sự cần thiết của tổ chức lao động và yêu cầu về liên kết trong mối quan hệ giữa nghiệp chủ và công nhân, chứ không phải kháng cự lẫn nhau.

Khi bàn về sự kiện này, Carnegie đã mở đầu bài báo thứ hai “Kết quả của cuộc đấu tranh lao động” mà không bài xích người lao động – mà vì sự kích động của cộng đồng nghiệp chủ như sau:

Tư bản chuyển từ nỗi sợ hãi sang hoang mang, khi bắt đầu rút vào thành trì của nó. Nhiều người đứng đầu công luận của giới tư sản dường như đã mất đi tính tự chủ. Trong đó có không ít nhà kinh tế chính trị xuất sắc. Đó là nhóm công luận tuy ít nhưng đóng vai trò rất quan trọng trong đất nước. Xét những hiện tượng dựa trên những lập trường trước đây, những mối quan hệ cá nhân đặt trong tương quan hàng ngày đã không còn đồng nhất các quy tắc đạo đức cơ bản trong đa số tầng lớp công nhân Mỹ. Nhìn bề ngoài, một số người cho rằng thể chế cơ bản phụ thuộc

vào mối quan hệ hòa thuận giữa nghiệp chủ và công nhân. Khi mối quan hệ này bị phá vỡ hoàn toàn thì thể chế cũng bị sụp đổ, ngay cả khi mối quan hệ chỉ mới ẩn chứa rủi ro thì cũng đã gây nguy hiểm nghiêm trọng cho xã hội. Trước đây, xã hội cũng đã rơi vào tình trạng hỗn loạn do bất đồng về mối quan hệ giữa nghiệp chủ và công nhân. Nhiều người cũng không ngại ám chỉ khâu yếu của thể chế dân chủ nằm trong sự hình thành các cuộc nổi dậy, bạo động của giới công nhân. Họ cho rằng việc bỏ phiếu cần giới hạn trong phạm vi những người có giáo dục, phần đa phải được tổ chức trong môi trường buộc chặt chẽ hơn.

Carnegie đã cố gắng chỉ ra thực tế của mối quan hệ giữa nghiệp chủ và công nhân khác với những cái được nhận thức “xa rời mối liên hệ hàng ngày”. Nói tóm lại, theo quan điểm của ông, xét trên một số biểu hiện quan trọng và nổi bật thì mối quan hệ giữa tư bản và lao động trong lâu dài đang có xu hướng hài hòa hơn.

Carnegie tiếp tục khẳng định quan điểm đầu tiên của mình về biện pháp khuyến khích hòa giải công nghiệp, sử dụng những ví dụ điển hình rút ra từ cuộc xung đột tháng 5 năm 1886. Lấy dẫn chứng từ cuộc đình công của công nhân đường sắt do Jay Gould đứng đầu vì sa thải Chủ tịch Liên đoàn Martin Irons. Carnegie cho rằng các nghiệp chủ nên đưa ra lý do thỏa đáng với các đại diện của Hiệp hội Người lao động: “Sự trung thành mà những người công nhân thể hiện với người lãnh đạo Hiệp hội Người lao động của họ có thể được chuyển sang những nghiệp chủ khi những nghiệp chủ này đối

xử với họ theo cách họ xứng đáng được hưởng”. Ông trích dẫn tuyên bố của Irons: “Chỉ trong một giờ đôi thoại ôn hòa, sự lịch sự của nghiệp chủ đã có thể ngăn ngừa những mâu thuẫn giữa hai bên”. Và ông khẳng định rằng: “Lắng nghe công nhân nói không làm ảnh hưởng tới cách quản trị khối tài sản khổng lồ của họ mà thậm chí, họ còn có thể tìm ra được nguyên nhân gây mâu thuẫn với những công nhân của họ. Và nếu xảy ra mâu thuẫn, họ nên gặp trực tiếp những người này hơn là chỉ cố gắng nửa vời nhằm xoa dịu họ”.

Luận điểm chính thứ hai của Carnegie là mối quan hệ giữa điều kiện làm việc và năng lực sản xuất, đặc biệt về thời gian làm việc trong một ngày. Đây cũng là vấn đề chính trong các cuộc đấu tranh vào năm 1886. Khi bàn về cuộc bãi công của công nhân Công ty đường sắt Đại lộ số 3 ở New York, ông khẳng định: “Đây là cuộc bãi công chính đáng. Các nghiệp đoàn nên lấy làm hổ thẹn khi bắt ép công nhân của họ làm việc 15-16 tiếng một ngày”. Ông tiếp tục đề cập đến cuộc vận động ngày làm việc 8 tiếng liên quan tới đế chế công nghiệp của ông:

Tuy nhiên, cuộc vận động ngày làm việc 8 tiếng có cơ sở vững chắc để tiến hành. Nhưng ta hãy bàn về cách giải quyết. Các công việc yêu cầu làm cả ngày lẫn đêm nên được chia thành 3 tổ, mỗi công nhân làm việc 8 giờ một ngày. Thông thường những nhà máy sản xuất thép đường ray trong thành phố đều phải vận hành như vậy. Người công nhân và nghiệp chủ nên phân chia chi phí phát sinh theo cho nhóm 3 người làm việc, những người công nhân

thuộc nhóm sau phải được đáp ứng mức lương một nửa so với trước đây nhưng ngược lại, điều này mang đến năng suất lao động cao. Chúng ta cần phải quan tâm đến vấn đề này, đặc biệt trong suốt những tháng mùa hè nóng nực, người công nhân làm việc 12 giờ một ngày không thể làm việc hiệu quả như người công nhân làm việc 8 giờ một ngày. Rõ ràng là phương thức này giúp cho các nghiệp chủ thu được lợi nhuận trong kinh doanh. Khi đó, nghiệp chủ sẽ tận dụng các lợi thế từ hiệu quả sản xuất cao về sản xuất và vốn khi mà trên thực tế những chi phí chung khi thành lập doanh nghiệp vẫn còn chưa khấu hao hết.

Tuy nhiên, cũng không nên quá chú trọng đến việc tìm hiểu mối liên hệ giữa điều kiện làm việc và hiệu quả sản xuất. Điều này cho thấy sự tiếp cận hoàn toàn mới về tổ chức sản xuất và mối quan hệ sản xuất, được dựa trên tính hiệu quả (hiệu quả về chi phí) và đạo đức xã hội (chỉ mối quan hệ giữa người chủ và công nhân) hoàn toàn nhất quán với nhau. Luận điểm này cùng với sự tán thành của Carnegie về công đoàn, sự linh hoạt trong quản lý, quan điểm tích cực về chia sẻ lợi nhuận/ thua lỗ, và của mối quan hệ giữa quản lý - lao động như mối quan hệ trong một tổ chức kinh tế đơn lẻ là hạt nhân của chủ nghĩa tư bản thịnh vượng, nỗ lực để giải quyết các vấn đề xã hội không chỉ trong ranh giới của lĩnh vực riêng, đặc biệt là trong các nghiệp đoàn kinh doanh.

Trước năm 1889, Carnegie đã mở rộng lập luận về lao động tới lĩnh vực sâu rộng hơn là mối quan hệ xã

hội, chú trọng đặc biệt tới vai trò của tài sản cá nhân trong xã hội dân chủ. Trong cuốn *Wealth* (tạm dịch: Tài sản) (sau này được gọi một cách hài hước trong *The Gospel of Wealth* “Chân lý của cải” của nhà cải cách W. T. Stead), ông bác bỏ cả mục tiêu truyền thống là nhân đạo (từ thiện) và tiếp cận một cách khoa học hơn các phong trào của Tổ chức từ thiện để viện trợ cho người nghèo. Theo quan điểm của Carnegie, các tổ chức từ thiện hữu ích thực tâm phụ thuộc rất ít vào sự phân biệt rõ rệt giữa những người xứng đáng và những người không xứng đáng được nhận từ thiện hơn là tấn công vào gốc rễ nguyên nhân của sự bất bình đẳng giữa chính bản thân họ.

Thừa nhận sự không công bằng cũng như kết quả của sự phát triển công nghiệp hiện đại, Carnegie lập luận rằng cạnh tranh, “đôi khi gây khó khăn cho một số cá nhân... nhưng lại tốt cho toàn bộ tiến trình phát triển loài người, bởi vì cạnh tranh đảm bảo sự sinh tồn của những cá nhân phù hợp nhất với môi trường sống đó”. Kết quả của cạnh tranh thường là không công bằng, “tập trung kinh doanh, công nghiệp và thương nghiệp trong tay một số ít người”. Sự không công bằng này – một tác động phụ của lao động, là cần thiết cho “sự phát triển tương lai của loài người” bởi nó chấp nhận “phạm vi rộng lớn” cần thiết cho các mối quan hệ trên diện rộng, vượt ra khỏi quá trình vật chất và xã hội đạt tới.

Luận theo quan điểm của Carnegie, sự bất bình đẳng không phải là kết thúc ở chính bản thân nó. Quá trình phát triển đòi hỏi sự cạnh tranh, thành tựu và kết quả liên tục: chủ nghĩa tư bản giống như cỗ máy chủ lực của quá trình phát triển. Đây cũng là quá trình tự đổi mới. Không chỉ phê phán kịch liệt, Carnegie cho rằng sự giàu mạnh của nền công nghiệp nên được sử dụng để loại bỏ đi nguồn gốc của nghèo đói và sự phụ thuộc vào quá trình phát triển kinh tế và xã hội. Đây có lẽ là ý kiến cấp tiến nhất trong thời đại của ông.

Cuối những năm 1980, các bài báo của Carnegie đều nhấn mạnh nỗ lực điều tiết những giá trị dân chủ với những bất bình đẳng nội tại của chủ nghĩa tư bản có mối quan hệ chặt chẽ với nỗ lực công bằng về các điều kiện kinh tế. Chủ nghĩa xã hội – gồm những người duy tâm và cộng sản đưa ra giải pháp về sở hữu tập thể. Chủ nghĩa dân túy nền kinh tế hỗn hợp bao gồm nền công nghiệp tập trung như đường sắt thuộc về sở hữu tập thể và cấp độ cao hơn là phân quyền giữa các hoạt động trong đó. Còn Hiệp hội người lao động Mỹ lại đưa ra hình thức công nhân sở hữu doanh nghiệp. Những người theo tư tưởng của Henry George xét đến hiệu quả phân phối lại thuế dựa trên nguồn thu nhập tăng lên trong giá trị tài sản. Những người bằng cách này hay cách khác, mục đích chung của hệ thống đa dạng này là nhằm đặt mọi người vào trong một vị thế kinh tế tương đối công bằng.

Carnegie tin rằng điều này không thể được. Do sự cần thiết của bộ phận lao động, cuộc sống công nghiệp tiên tiến vốn đã không công bằng. Sự bất bình đẳng, đáng tiếc lại là một nhân tố cần thiết để thành công, cạnh tranh và phát triển. Carnegie mong muốn thúc đẩy cơ hội công bằng, chứ không tìm kiếm mục tiêu không thể đạt tới của sự bình đẳng kinh tế. Mỗi người sẽ có cơ hội tìm ra chỗ đứng của họ, nhận được sự tương thưởng xứng đáng nhờ vào chính khả năng của mình trong nấc thang danh vọng của nền công nghiệp. Một mặt, thuế thu nhập cá nhân và thuế đánh vào tài sản thừa kế giúp ngăn chặn người giàu có quá nhiều ưu thế bất hợp lý; mặt khác về phương diện giáo dục, các thể chế riêng và công sẽ trao quyền cho số đông quần chúng. Mỗi thế hệ sẽ phải bắt đầu lại với những cơ hội giống nhau. Thế hệ này qua thế hệ khác sẽ tiếp tục cuộc chiến giành thắng lợi, cuối cùng sẽ mang đến đỉnh cao cho những cá nhân xuất sắc nhất.

Mặc dù “Cẩm nang bảo tồn của cải” của Carnegie thường được ca ngợi trong các tổ chức phúc thiện tư, nhưng ông đã không loại trừ khả năng nhiều cá nhân cùng tham gia từ thiện. Ông thật sự tin rằng việc trao tặng công viên, thư viện, hồ bơi và các cơ sở vật chất công cộng khác cũng nên dựa vào sự phối hợp và hỗ trợ của toàn thể cộng đồng cư dân. Cam kết của Carnegie đối với công việc từ thiện công là đặc điểm của mô hình từ thiện khá phổ biến ở vùng trung tâm phía Bắc nước Mỹ. Đồng thời, ông cũng chỉ trích một số người đã phê

phán các tổ chức từ thiện phổ biến ở phía Đông Bắc nước Mỹ.

CẨM NANG BẢO TỒN CỦA CẢI

Vấn đề quản trị của cải

Vấn đề ở thời đại của chúng ta là quản trị từ thiện hợp lý, quan hệ con người vẫn ràng buộc giữa những người giàu và những người nghèo trong mối quan hệ hài hòa. Chỉ trong mấy trăm năm qua, điều kiện sống con người không chỉ được thay đổi mà liên tục được cải thiện. Trước đây, hầu như không có sự khác biệt đáng kể nào giữa trang phục, thực phẩm và cả môi trường sống của ông chủ và kẻ làm thuê. Người Ấn độ trước đây đại diện cho nền văn hóa này. Khi đến thăm Sioux, tôi đã được dẫn vào cung điện của các bậc vương giả. Tuy nhiên bề ngoài các ngôi nhà đều giống như những ngôi nhà thường dân khác, thậm chí không có sự khác biệt nào so với ngôi nhà của những người nghèo nhất vùng đó. Sau này, sự đối lập giữa cung điện của những bậc vua chúa và túp lều của người lao động lại cho thấy văn hóa đã thay đổi. Tuy nhiên, sự thay đổi này không gây ra nguy hiểm gì mà trái lại còn được hoan nghênh như một nhân tố hữu ích cho xã hội. Điều này không chỉ quan trọng mà còn cần thiết cho sự phát triển của loài người. Ngôi nhà của một số người nên là mái nhà chung cho tất cả mọi người. Đó chính là những công trình văn học - nghệ thuật, và sự tinh túy của nền văn hóa. Những tòa kiến trúc khác thường này hữu ích hơn nhiều so với

những ngôi nhà bình thường khác. Không có tài sản, cũng sẽ không có những bậc mạnh thường quân. “Thời đại hoàng kim xưa cũ” cũng không còn là thời đại cũ tươi đẹp. Cũng sẽ không có những ông chủ hay người làm thuê như trong thời đại bây giờ. Sống lại xã hội cũ sẽ là mối hiểm họa cho cả người nghiệp chủ và công nhân. Và nếp cũ không phân biệt giai cấp cũng sẽ cuốn phăng đi các nền văn hóa mà con người đã cố công xây dựng. Nhưng sự thay đổi này tốt hay xấu, phụ thuộc vào chúng ta, nhưng chúng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng ta, và do đó, nên học thái độ chấp nhận một cách tích cực để thay đổi mọi thứ trở nên tốt đẹp hơn. Và cũng là sự lãng phí thời gian khi phê phán những điều chắc chắn phải diễn ra.

Rất dễ nhận ra sự thay đổi này khi nhìn vào lịch sử phát triển công nghiệp. Chúng ta có thể xem xét ví dụ về sản xuất sản phẩm để hiểu rõ nguyên nhân của hầu hết các giai đoạn. Điều này áp dụng cho hầu hết nền công nghiệp, thúc đẩy và khuyến khích sự phát triển khoa học kỹ thuật. Trước đây, hàng hóa được sản xuất trong các gia đình, hay tại các xưởng nhỏ được hình thành từ các hộ gia đình. Thợ lành nghề và thợ học việc làm những công việc giống nhau, sống trong điều kiện như nhau. Khi thợ học việc trở thành thợ lành nghề, hầu như không có khác biệt nào trong cuộc sống của họ, và đến lượt họ lại truyền nghề lại cho những người học việc sau họ. Về cơ bản có tồn tại công bằng xã hội, công bằng chính trị, do đó những ai tham gia công cuộc theo đuổi

kỹ nghệ công nghiệp sẽ không có tiếng nói nào trong đất nước của họ.

Kết quả tất yếu của hình thức sản xuất thủ công nghiệp là con người phải mua sản phẩm với mức giá cao. Nhưng ngày nay, con người được sử dụng những hàng hóa chất lượng cao với mức giá phải chăng, điều mà các thế hệ trước đó không thể làm được. Trong thế giới thương nghiệp, luật nhân quả vẫn tồn tại, do đó, con người đương nhiên có được những lợi ích tương đương. Người nghèo cũng có thể sử dụng những thứ mà người giàu thời trước không thể có. Những gì được gọi là xa xỉ phẩm trước đây được xem là hàng tiêu dùng thiết yếu ngày nay. Công nhân ngày nay đã có nhiều tiện nghi hơn so với nông dân cách đây vài thế hệ. Nông dân cũng đã sở hữu nhiều đồ dùng tiện dụng hơn những ông chủ của họ trước đây. Họ đã có ngôi nhà khang trang, quần áo đẹp hơn. Các chủ trang trại cũng đã sưu tầm được những cuốn sách hiếm, những bức tranh quý. Họ thậm chí còn có thể tổ chức những cuộc hội hè sang trọng hơn vua chúa trước đây.

Sự thay đổi hữu ích này chắc chắn cũng phải tạo ra những hậu quả tương ứng. Các nghiệp chủ hầu như không biết gì về hàng nghìn công nhân trong các nhà máy, công trường. Những công nhân này cũng chỉ nghe nhắc đến nghiệp chủ của họ qua các câu chuyện truyền miệng mà thôi. Khi đó sự giao tiếp giữa họ cũng bị giới hạn. Các tầng lớp xã hội không có sự thông cảm lẫn nhau, sẵn sàng quy kết bất cứ điều gì nhằm phê phán

bên kia. Theo quy luật cạnh tranh, các ông chủ bị cuốn theo vòng xoáy kinh tế khắc nghiệt, họ buộc phải cân nhắc mức lương trả cho công nhân, và do đó, thường gây ra mâu thuẫn giữa ông chủ và người làm thuê, giữa vốn và sức lao động. Mỗi quan hệ xã hội giữa người giàu và người nghèo mất đi sự hòa hợp.

Cái giá của cạnh tranh rất lớn nhưng lợi ích mà nó mang lại vẫn lớn hơn nhiều. Đó là chúng ta được thỏa mãn các điều kiện về vật chất, điều kiện cuộc sống ngày càng được cải thiện tốt hơn. Nhưng dù sao chúng ta cũng phải bàn đến vấn đề: liệu luật cạnh tranh có tốt không khi ta nói về sự thay đổi trong các mối quan hệ. Chúng ta cũng không thể trốn tránh được quy luật cạnh tranh, cũng không có quy luật nào thay thế được nó. Đó là quy luật tất yếu. Đôi khi quy luật cạnh tranh gây khó khăn cho một số cá nhân, nhưng nó tốt cho cả tiến trình phát triển của loài người. Bởi cạnh tranh đảm bảo sự tồn tại những gì phù hợp nhất với mọi lĩnh vực. Chúng ta cần thừa nhận và có thái độ tích cực đối với quy luật này, do đó, cần phải điều chỉnh chính bản thân mình phù hợp với những điều kiện của quy luật hay chấp nhận sự bất bình đẳng về môi trường: trong nền kinh tế tập trung, công nghiệp và thương nghiệp nằm trong tay một số người. Quy luật cạnh tranh xét trong các mối quan hệ trên không chỉ mang lại nhiều lợi ích mà còn cần thiết cho chu trình phát triển của tương lai. Khi thừa nhận mặt tốt của quy luật cạnh tranh thì sẽ có nhiều cơ hội hơn để áp dụng khả năng đặc biệt trong kinh doanh và các nhà sản xuất có thể

thực hiện các cuộc buôn bán quy mô lớn. Tuy nhiên chúng ta cũng cần nhớ rằng, khả năng quản trị và tổ chức vẫn rất hiếm. Do đó những người xứng đáng nhất, cá nhân ưu tú, tài giỏi nhất mới đạt được những phần thưởng to lớn dù ở bất kỳ nơi đâu hay trong bất cứ điều kiện nào. Vị thương nhân giàu kinh nghiệm quan tâm trước hết đến mối quan hệ bạn hàng với người cung cấp dịch vụ, mà hiếm khi đưa ra câu hỏi về vốn. Tuy nhiên, những người sở hữu nguồn vốn lớn mà không có tài cán kinh doanh đặc biệt nào thì nguồn vốn đó sớm muộn cũng không cánh mà bay. Họ chỉ quan tâm tới công ty, tổ chức công việc kinh doanh cần nguồn vốn đầu tư hàng triệu đô-la và đơn giản ước tính nguồn lợi tức thu về chỉ dựa trên nguồn vốn mà họ đầu tư, và tin chắc thu nhập của họ cao hơn chi phí, từ đó họ có thể tích lũy của cải. Nhưng nếu muốn kinh doanh, họ cần hiểu rằng, không có sân chơi dễ dàng nào cho thương nhân, và nếu các công ty thương nghiệp và các hãng sản xuất lớn không thu được lợi nhuận dựa trên nguồn vốn đầu tư ban đầu thì họ sẽ sớm rơi vào tình trạng phá sản. Họ chỉ có thể phát triển đi lên hoặc tụt hậu phía sau; không bao giờ đứng yên. Đây là điều kiện cần thiết để hoạt động thành công, không những thuận lợi cho sản xuất kinh doanh mà còn sinh ra lợi nhuận trên vốn. Điều này mang tính quy luật, bền vững như các quy luật được phát hiện khác. Trên sân chơi cạnh tranh công bằng, người nào có được tài năng đặc biệt về kinh doanh sẽ sớm nhận được nhiều lợi tức hơn những nhà đầu tư khác. Quy luật

ạnh tranh rất có lợi cho sự phát triển của con người cũng như tiến trình hiện đại.

Điều kiện sống hiện nay của loài người đã tốt hơn rất nhiều so với những điều kiện trước đây. Tuy vậy, đôi khi chúng ta lại băn khoăn về hiệu quả tích cực của những thay đổi. Những người theo Chủ nghĩa xã hội hay Phong trào hiến chương mong muốn xóa bỏ các điều kiện hiện tại, nền văn minh mà chúng ta xây dựng. Tuy nhiên khi người công nhân công nghiệp có năng lực nói với người đồng nghiệp lười biếng và của mình rằng “Nếu người nào không làm, người đó không được hưởng” thì lời tuyên bố đó đã phân tách minh bạch giữa những người chăm chỉ xứng đáng với những kẻ lười biếng, vô dụng. Xét về ý nghĩa thiêng liêng, cao cả của văn hóa sở hữu tài sản, hoàn toàn công bằng khi người công nhân có quyền sở hữu tiền bạc trong ngân hàng, hay những nhà triệu phú tài ba có quyền sở hữu khối tài sản khổng lồ. Đối với những người ủng hộ Chủ nghĩa cộng sản, thì khi đó câu trả lời cho họ là “Sự tiến bộ là do quy luật cạnh tranh. Sự phát triển từ thời tiền sử hoang dã cho tới thời đại hiện nay là kết quả của sự thay thế mối quan hệ xã hội. Điều này không phải là sai lầm, mà là con đường đúng đắn của xã hội. Xã hội đã tích lũy vô số của cải nhờ những người có khả năng và nghị lực vươn lên. Nhưng ngay cả khi tạm thời chúng ta thừa nhận chủ nghĩa xã hội tốt hơn cho loài người, thì cũng không thể phủ nhận thành quả thời kỳ đầu của Chủ nghĩa cá nhân. Đó là con người phải lao động, không phải chỉ vì bản thân anh ta, mà vì những đồng loại của

anh ta, và cùng chia sẻ với họ góp công sức vào sự phát triển của loài người. Giống như tư tưởng của Swedenborg về thiên đường, đó là nơi mà những thiên thần ban phát hạnh phúc không phải vì bản thân họ mà vì những người khác. Điều này không chỉ là sự phát triển, mà nó là cả một cuộc cách mạng. Nó đòi hỏi sự thay đổi trong bản chất con người – đây là công việc mang tính thời đại, thậm chí chúng ta cũng không biết liệu sự thay đổi đó có tốt hay không.

Điều này không thực tiễn trong ngày nay và trong thời đại của chúng ta. Thậm chí nếu thực tế hoàn hảo như lý thuyết, thì sự thay đổi này phụ thuộc vào nhiều tầng lớp xã hội trong nhiều thế kỷ nỗ lực chung. Nhiệm vụ của chúng ta là dựa trên những điều sẵn có để tiếp tục cố gắng những bước tiếp theo có thể trong thời đại và thế hệ của chúng ta. Sẽ là tội lỗi khi lãng phí công sức nhằm cố gắng loại bỏ trong khi tất cả mọi người đều nỗ lực đóng góp cho sự phát triển của con người đi đúng hướng, mang tới những lợi ích bền vững cho mọi người. Chúng ta cần đứng về phía những người ủng hộ chủ nghĩa cá nhân, tài sản cá nhân, luật tích trữ của cải, và luật cạnh tranh. Điều đó mang lại kết quả tốt nhất cho xã hội. Cho đến nay, những quy luật trên đã phát huy hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, đôi khi quy luật hoạt động một cách không công bằng và bất hợp lý, không giống như người theo thuyết lý tưởng đòi hỏi. Nhưng họ cũng cần nhớ rằng ngay cả những thứ tốt nhất của những người vĩ đại cũng chưa hoàn hảo.

Chúng ta hãy xem xét các điều kiện kinh doanh dựa trên cơ sở thúc đẩy những yếu tố hiệu quả nhất cho sự phát triển nhờ cạnh tranh. Vì thế khi chấp nhận các điều kiện như nó tồn tại, chúng ta sẽ dễ dàng để nhận biết và phân tích các trường hợp xảy ra sau đó. Khi đó, để khắc phục những bất cập do cơ chế này gây ra, chúng ta phải trả lời được câu hỏi: Mô hình nào thích hợp để quản trị tài sản khi mà quy luật cạnh tranh lại chỉ có lợi cho rất ít người. Liệu nó có phù hợp với nền văn minh mà chúng ta cố công xây dựng nên? Đây là câu hỏi lớn mà tôi tin mình có thể đưa ra câu trả lời thích đáng. Tôi cho rằng, tài sản ở đây không phải là món tiền cố gắng tiết kiệm qua nhiều năm, mà là tài sản được sử dụng để giáo dục con người, tiếp tục duy trì và phát triển những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. Tài sản không đơn thuần chỉ là tài sản, nó phản ánh năng lực, phẩm chất của con người. Đó là mục tiêu của tất cả mọi người phấn đấu vươn tới, cũng là những điều tốt nhất mà xã hội hướng tới.

Thông thường có ba phương thức phân phối lại thặng dư tài sản của người giàu. Tài sản có thể để lại cho gia đình của người quá cố, cho những mục đích công ích và cuối cùng chúng có thể được những người quản trị từ thiện tiếp tục quản lý từ thế hệ này đến thế hệ khác. Phương thức thứ nhất và thứ hai chỉ mang lại lợi ích cho một số người hạn hữu. Chúng ta hãy xem xét lần lượt từng phương thức. Phương thức đầu tiên là thiếu hiệu quả nhất. Trong những quốc gia quân chủ, di sản và phần lớn tài sản được để lại cho người con trai đầu, cha mẹ của họ sẽ thanh toán ra đi với ý nghĩ rằng dòng họ

và tước vị của họ được kế thừa liên tục từ đời này sang đời khác. Địa vị của tầng lớp quý tộc ở châu Âu ngày nay cho thấy sự thất bại của những hy vọng hay tham vọng hảo huyền như vậy. Những người có tước vị cao quý đã bị bản cùng hóa vì sự tiêu xài hoang phí của họ hay vì giá trị đất đai sụt giảm. Ngay tại nước Anh, luật thừa kế theo thứ tự khắt khe đã không còn thích hợp để duy trì một tầng lớp cha truyền con nối. Đất đai nhanh chóng bị chuyển qua tay những người khác gia tộc. Theo thể chế cộng hòa, một phần tài sản phân chia cho con cái họ nên công bằng hơn, nhưng tại sao họ nên để lại khối tài sản lớn cho con cái của họ? Khi họ để lại tài sản xuất phát từ lòng mong muốn những điều tốt đẹp cho con cái họ, thì thực tế khối tài sản này có chắc chắn mang lại hạnh phúc cho con cái họ? Thực tế cho thấy, khi để lại tài sản, họ cũng đã để lại gánh nặng cho con cái họ. Điều này cũng không có lợi cho đất nước họ. Hoàn toàn hợp lý khi họ để lại cho vợ con những nguồn thu nhập vừa phải và những khoản trợ cấp hợp lý, nếu có để lại cho con trai họ di sản lớn, những người này cũng phải thừa kế luôn cả những rủi ro. Chắc chắn tài sản thừa kế gây hại chứ không phải mang lại hạnh phúc cho người hưởng thừa kế. Người thông minh sẽ sớm nhận ra rằng cách thức sử dụng di sản không thích hợp mang lại hạnh phúc đích thực cho các thành viên trong gia đình, ích lợi cho đất nước.

Nếu những người giàu cho rằng họ nên để con cái sống cuộc sống thượng lưu, nhàn rỗi thì con cái họ sẽ sớm lâm vào cảnh nghèo đói do không có nghề nghiệp.

Những người giàu nên truyền cho con cái họ ý nghĩ chúng đang ở vị thế sẵn sàng lao động vì mục đích cộng đồng mà không liên quan đến lý do tiền bạc. Trong một số trường hợp, con cái của những nhà triệu phú không bị hư hỏng vì khối gia tài để lại, mà thậm chí họ còn tiếp tục mang lại lợi ích cho cộng đồng. Những tấm gương đó là tài sản lớn cho thế giới, nhưng thật không may, những người như vậy rất hiếm. Do đó, không phải không có ngoại lệ khi con cái của những triệu phú tiếp tục cống hiến cho xã hội. Nhưng nhìn vào thực tế thì để lại tài sản cho người thừa kế mang lại hiệu quả không cao. Một triệu phú đã phát biểu: “Tôi sẽ sớm để lại cho con cái mình những đồng tiền quyền năng nhưng cũng ẩn chứa tai họa và nhắc nhở con cháu rằng đây không phải là tài sản mà là niềm tự hào gia đình truyền đời qua tài sản thừa kế”.

Đối với phương thức thứ hai, để lại tài sản cho mục đích công ích, đây không chỉ là phân phát của cải. Anh ta sẵn sàng tích lũy tài sản và đợi cho đến khi chết đi rồi mới đóng góp cho xã hội. Nhưng cũng có nhiều trường hợp làm từ thiện, di chúc của người quá cố không được thực hiện như ý nguyện, tài sản không đến tay người được hưởng di chúc. Đôi khi, người lập di chúc để lại tài sản chỉ nhằm tưởng nhớ đến cá nhân họ, mà không có ý nghĩa đối với cộng đồng. Có một thực tế là nếu như họ đã có năng lực để làm giàu, thì cũng cần có khả năng biến tài sản đó trở nên hữu ích cho cộng đồng. Mặt khác, người đời cũng không nên ca ngợi những nhà triệu phú làm những điều mà họ không thể không làm, xã hội

cũng không cần phải tỏ lòng biết ơn tới tài sản mà họ để lại chỉ sau khi đã chết, khi anh ta chẳng có cơ hội để sử dụng khối tài sản khổng lồ của mình nữa. Khi nhớ đến họ, người ta không cần phải nhớ đến với lòng biết ơn trân trọng bởi vì món quà tưởng niệm về họ không mang lại hạnh phúc cho mọi người.

Xu hướng đánh thuế tài sản thừa kế ngày càng gia tăng là dấu hiệu tích cực cho thấy sự thay đổi rất có lợi cho xã hội. Ngày nay, bang Pennsylvania nhận tới một phần mười tài sản để lại từ chính những công dân của bang. Cục Ngân sách trong Quốc hội Anh hiện đang xem xét đưa ra việc tăng thuế đánh vào tài sản thừa kế, và đáng kể nhất, loại thuế mới này là khoản tiền thuế dựa trên mức tài sản được thừa kế. Những người tích trữ của cải trong suốt cuộc đời họ, khi chết đi thì khoản thuế tính trên tài sản thừa kế sẽ được sử dụng thích đáng cho mục đích công ích, phân chia thích hợp cho những người khác, đóng góp lớn cho cộng đồng. Thông qua đánh thuế di sản cao, liên bang đã lên tiếng phê phán cuộc sống vô nghĩa của những nhà triệu phú ích kỷ.

Các quốc gia nên áp dụng rộng rãi hình thức đánh thuế di sản. Trên thực tế, khó có thể xác định mức đóng góp tài sản của người giàu để lại sau khi họ mất đi cho cộng đồng bởi các cơ quan liên bang dựa trên nhiều phương thức, hình thức thuế khác nhau để tính thuế. Nhưng họ thường bắt đầu từ việc không đánh thuế đối với những tài sản thừa kế có giá trị nhỏ cho tới đánh

thuế cao đối với những người thừa kế thừa hưởng khối tài sản kếch xù. Tiền thuế sẽ được bổ sung vào ngân sách quốc gia, chi dùng cho cả xã hội.

Chính sách có tác động mạnh để thúc đẩy những người giàu tham gia vào quản trị từ thiện trong cuộc đời họ, bởi vì mục tiêu cuối cùng là mang lại lợi ích cho tất cả mọi người. Chính sách này không phải là nguồn gốc làm suy kiệt tham vọng làm giàu của các nghiệp chủ và mong muốn tích lũy của cải của họ. Vì đối với tầng lớp tiên tiến, tham vọng của họ là để lại càng nhiều tài sản càng tốt. Nhưng quan trọng hơn họ muốn để lại tiếng tăm cho đời. Bên cạnh đó, họ cũng đóng góp được số tiền đáng kể cho đất nước.

Phương thức này mang lại lợi ích cho cộng đồng, nhưng lại chưa phải là phương thức hiệu quả nhất khi món quà từ thiện này chỉ mang tính tạm thời, chưa thực sự công bằng cho tất cả mọi người. Mỗi quan hệ hài hòa, lý tưởng giữa người giàu và người nghèo trong chủ nghĩa cộng sản đòi hỏi sự phát triển từ những điều kiện hiện tại chứ không phải sự thay thế hoàn toàn tất cả nền văn minh từ trước tới nay. Theo chủ nghĩa cộng sản, quốc gia lý tưởng là quốc gia mà trong đó nguồn thặng dư tài sản của một số ít người trở thành tài sản của nhiều người, phân phối thành tài sản chung của từng người. Tuy nhiên, nguồn tài sản nên được chuyển qua tay một số người để quản lý, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của con người chứ không phải phân phối số tiền nhỏ tới từng người dân. Ngay cả những người nghèo nhất cũng được hưởng lợi từ đồng bào của mình

vì họ được sử dụng các công trình công cộng. Điều này hiệu quả hơn là so với những món tiền nhỏ giọt trao cho họ trong nhiều năm.

Chúng ta cũng có thể xem xét trường hợp của Viện Cooper. Phần lớn số tiền này nếu như chỉ được phân phát cho số ít người trong cộng đồng sẽ bị lãng phí vì những thú vui vô bổ, hay chi tiêu hoang phí và họ cũng khó có thể chi tiêu khoa học, hữu ích, hay mua sắm các tiện nghi trong gia đình. Nếu phần lớn của cải được phân phối cho số ít người dân thì đây cũng là sự lãng phí của cải cho những ham muốn tầm thường. Đôi khi họ dùng số tiền với mục đích trang hoàng, mua sắm nhà cửa, trang thiết bị trong gia đình mà không mang lại kết quả gì cho tiến trình phát triển của loài người. Hãy thử hình dung ra điều này với cái nhìn khách quan nhất.

Chúng ta cũng có thể kể đến món quà từ thiện của ông Tilden, ông đã hiến tặng 5 triệu đô-la cho thư viện thành phố New York. Người mà công chúng ca ngợi rằng: ông Tilden đã cống hiến vào những năm cuối đời để quản trị từ thiện thành công. Không có ai phủ nhận công lao to lớn của ông và mục đích từ thiện cao cả của ông. Hàng triệu đô-la của Tilden đã mang đến cho thành phố thư viện công cộng quý giá, chứa đựng món quà tri thức vô giá cho thế giới. Đó là vô số những cuốn sách được sử dụng miễn phí cho tất cả mọi người. Đạo khắp đảo Manhattan, chúng ta không khỏi bất ngờ vì những điều giúp ích cho con người. Không phải những món tiền nhỏ được trao cho số đông người dân, mà là những

lợi ích bền vững, liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ngay cả chủ nghĩa cộng sản cũng phải thừa nhận kết quả tốt đẹp này. Không còn nghi ngờ gì về kết quả quan trọng của nó đối với xã hội.

Khi những người nghèo có cơ hội học hỏi, làm việc, thì vị thế của họ sẽ dần dần được cải thiện, xóa đi hàng rào ngăn cách giữa các tầng lớp xã hội. Khoảng cách được thu hẹp lại nhờ tái phân phối lại của cải thặng dư của những người giàu. Khi đó người giàu tạo ra được sự tin tưởng nơi những người nghèo. Hai giới cùng nhau góp sức mang đến những lợi ích bền vững cho xã hội. Chúng ta sẽ vươn tới cuộc sống hạnh phúc đích thực, không phải bằng sống theo cuộc đời của chúa Giêsu cũng như Tướng Tolstoi, mà sống theo “tinh thần của chúa Giêsu”. Bằng việc nhận thức những điều kiện đã thay đổi của thời đại, chúng ta có thể thích nghi với tinh thần mới phù hợp với sự thay đổi của điều kiện hiện tại mà ta đang sống. Ta sống, làm việc theo phương thức mới hài hòa mối quan hệ xã hội.

Khi đó, nhiệm vụ của người giàu là: tạo nên những hình mẫu điển hình về lối sống giản dị, hiện đại, không khoa trương, không xa hoa, cung cách; cung cấp cho những nhu cầu chính đáng của những ai phụ thuộc vào anh ta. Sau đó, xem xét tất cả các khoản thặng dư tài sản mà anh ta có thể đóng góp để đóng vai trò đơn thuần như người quản lý quỹ ủy thác của xã hội. Quỹ sẽ do anh ta quản trị và đặt ra những nguyên tắc để quản trị theo phương thức mà anh ta cho là mang đến kết quả tốt nhất cho xã hội – do đó người giàu có thể trở thành

người ủy thác thuần túy và cho những người nghèo hơn, giúp họ có được kinh nghiệm và năng lực để quản trị, có thể tự giúp chính mình.

Chúng ta khó xác định số tiền thừa kế ở mức vừa phải để lại cho các thành viên trong gia đình, điều này phụ thuộc vào lối sống xa hoa hay tiết kiệm, Có nhiều tiêu chuẩn khác nhau cho các điều kiện sống khác nhau. Rất khó để có thể gọi tên chính xác sự khác nhau về điều kiện sống này, vì nó liên quan tới phong tục, tập quán, phong vị, lối sống hay những khuôn phép. Tuy nhiên, có rất nhiều các chân lý, mặc dù không thể định rõ được. Thông thường, công chúng có quan điểm dễ nhận biết và nhạy cảm với những điều làm họ khó chịu. Vì vậy, sống trong sự giàu có xa hoa với những bộ trang phục thời thượng sẽ khiến người khác không thoải mái. Và những điều quá gây chú ý cho người khác cũng sẽ nhận được thái độ không đồng tình với tiêu chuẩn này. Nếu gia đình nào được biết đến với những trang hoàng phô trương về nhà cửa, bàn ghế hay các trang thiết bị trong nhà với những món tiền khổng lồ chi tiêu cho việc trang hoàng này, nếu như những điều này có sự phân biệt rõ ràng, thì chúng ta không khó khi xác định lại bản chất và nét đặc trưng riêng của nó. Vì thế, chúng ta cần phải sử dụng tài sản phù hợp với mục đích sử dụng chung của cộng đồng, không làm giảm đi nỗ lực đóng góp và phát huy vì cộng đồng của họ mà giúp cho dân chúng trân trọng, tiếp tục phát huy sự đóng góp này mãi cho đến về sau. Những người dân sẽ đánh giá đúng đắn sự đóng

góp của họ và những người khác cho xã hội. Và chắc chắn sự đánh giá này không sai.

Cách sử dụng hiệu quả nhất cho nguồn thặng dư tài sản cũng đã được nói đến. Những nhà quản trị khôn ngoan thực sự phải là những người biết cách sử dụng tài sản của mình hữu ích cho xã hội, một trong những sai lầm nghiêm trọng nhất đối với quản trị từ thiện là không phân biệt được hình thức từ thiện nào mang lại lợi ích cho con người. Hàng triệu người giàu đã ném ra sông ra biển số của cải mà rồi lại bỏ số tiền đó cho những kẻ lười biếng, những kẻ nghiện rượu, những người không xứng đáng được hưởng. Trong số hàng nghìn đô-la chi cho cái gọi là từ thiện ngày nay, thực chất lại gây nên tội ác, điều mà chúng ta đang cố gắng giảm bớt hay khống chế nó. Một nhà triết học đã thừa nhận rằng có một ngày anh ta đã cho 25 xu cho người ăn xin khi anh ta đến thăm nhà người bạn của mình. Anh ta không biết về những cách thức xin tiền của những người ăn xin, không biết họ sẽ sử dụng như thế nào với món tiền anh ta cho mặc dù anh ta có lý do để nghi ngờ rằng số tiền đó sẽ bị sử dụng không hợp lý. Người đàn ông này đã tiếp thu tư tưởng của Herbert Spencer⁸⁰, tuy nhiên 25 xu này đáng lẽ sử dụng có ích cho xã hội hơn, chứ không phải là đồng tiền từ thiện vô ích khi trao cho người ăn

⁸⁰ Herbert Spencer (27 tháng 4 năm 1820 – 8 tháng 12 năm 1903) là một triết gia; nhà lý thuyết chính trị tự do cổ điển; nhà lý thuyết xã hội học Anh. Spencer đã phát triển một khái niệm toàn diện tiến hóa như là sự phát triển tiến bộ của thế giới tự nhiên, của các cơ thể sinh vật, trí tuệ và của xã hội văn hóa con người

mày trẻ tuổi, đủ sức lao động đó. Khi người đàn ông đó cho tiền, anh ta chỉ thỏa mãn được cảm giác thương hại trong anh ta, không bị quấy rầy bởi người khác. Nhưng, và điều này cũng là một trong những hành động tồi và ích kỷ trong cuộc đời anh ta, xét về mọi khía cạnh mà anh ta xứng đáng nhất.

Khi trao tặng các món quà từ thiện, điều chúng ta cần quan tâm là giúp đỡ những người sẽ giúp đỡ chính bản thân họ, cung cấp cho họ “chiếc cần câu cá” mà thông qua đó họ có thể cải thiện được cuộc sống của mình, trao tặng cho những người mong muốn gia tăng khoản viện trợ đó bằng chính khả năng của họ. Nhà triệu phú không phải làm tất cả mọi điều cho họ, tặng tiền hay vật chất nào. Điều họ cần làm là hỗ trợ ban đầu cho những người biết phân đấu. Những sự hỗ trợ quý giá này, trừ một số trường hợp hiếm, không cần đến bất kỳ hỗ trợ nào tiếp theo. Những người tự trọng thực sự sẽ không bao giờ cần đến viện trợ tiếp theo nào trừ phi trong trường hợp tai nạn hay những sự thay đổi đột ngột. Họ thường tìm cách học tập kiến thức, thông qua những sự hỗ trợ ban đầu, họ có thể có tầm nhìn xa về tương lai, xác định hướng đi đúng đắn cho mình. Nhưng kiến thức sẽ bị hạn chế đi rất nhiều nếu anh ta không kết nối với cộng đồng. Anh ta sẽ chỉ như người đi trước cần thận và lo lắng để không tài trợ một cách vô ích. Nếu như không có sự tiếp nối, những điều tốt đẹp sẽ bị hạn chế đi để nhường chỗ cho những tội ác.

Do đó, tôi chỉ đề cập đến rất ít người giàu có quản trị từ thiện thành công như Peter Cooper, Enoch Pratt của Baltimore, ông Pratt của Brooklyn, Tướng Stanford và một số người khác. Họ là những người biết được cách thức hiệu quả nhất để mang lại lợi ích cho cộng đồng, truyền cảm hứng cho những người khác vươn tới những nấc thang mới trong cuộc đời – những thư viện công cộng miễn phí, công viên hay các phòng triển lãm nghệ thuật. Thông qua xây dựng những công trình này, những người dân đã được phát triển về thân thể và trí tuệ; các tác phẩm nghệ thuật, chắc chắn mang lại niềm hứng khởi, nâng cao tâm nhận thức thường thức nghệ thuật của công chúng, các công cộng đa dạng, cải thiện các điều kiện khách quan của con người, trong các phương thức này, thặng dư tài sản tới số đông đồng bào của họ.

Theo cách đó, vấn đề giữa giàu và nghèo sẽ được giải quyết. Quy luật tích lũy của cải và quy luật phân phối lại của cải cho xã hội vẫn tiếp tục tồn tại. Chủ nghĩa cá nhân vẫn tiếp tục phát triển, tuy nhiên những nhà triệu phú sẽ không chỉ là nhà ủy thác cho người nghèo, mà để lại tài sản cho cả cộng đồng, để rồi tài sản đó lại được nhân rộng ra giữa những người dân. Tài sản của trí tuệ, năng lực, phẩm chất làm người. Những ngày mới tươi đẹp bắt đầu. Những người ra đi mà không có sự thương cảm nào từ phía đồng loại của họ vẫn để lại giá trị tài sản, chia sẻ những doanh nghiệp kinh doanh lớn, từ đó nguồn vốn của họ sẽ không thể hay không bị rút đi, và sẽ tiếp tục phát huy giữa cộng

đồng dân cư. Khi những người giàu ra đi, thì họ cũng không thể đem số của cải sang thế giới bên kia. Vậy thì tại sao họ lại chịu một cái chết “không ai thương tiếc, không người kính trọng, không kẻ ngợi ca” dù để lại sau lưng hàng triệu đô-la. Các nhà triệu phú nên lưu ý đến điều này, để không bị dư luận đánh giá là vô giá trị đối với cuộc sống khi họ ra đi.

Theo ý kiến của tôi, quản trị tài sản thực sự là giải quyết mâu thuẫn giữa người giàu và người nghèo, mang đến “hòa bình nơi trái đất, thiện chí giữa người với người”

Những phương thức hiệu quả trong hoạt động từ thiện

“Cấm nạng bảo tồn của cải” thu hút nhiều sự chú ý của công luận ở bên kia Đại Tây Dương và ở chính nước Mỹ, bởi vì nền văn minh mới đã thay thế nền văn minh cũ đã có thể lý giải những câu hỏi mang tính xã hội trước đây. Sự đối lập giữa một số giai cấp trong xã hội và số đông quần chúng, giữa người giàu và người nghèo không còn trở nên gay gắt trên diện rộng, mà cùng với sự phát triển đất đai rộng lớn. Nước Mỹ chỉ với dưới 20 người sinh sống trên một dặm vuông, khác với nước Anh, dân cư đông đúc gấp 15 lần và không có mảnh đất nào không sử dụng. Có thể vì thế nên, tờ tin tức buổi tối *Paul Mall Gazette* trong ấn bản ban hành vào ngày 5 tháng 9 đã phản đối mạnh mẽ điều mà người Anh sẵn sàng gọi tên là “Cấm nạng bảo tồn của cải”. Tôi xin trích dẫn một đoạn: “May mắn lớn nhất, nói như Carnegie,

đó là mang lại hạnh phúc cho cộng đồng. Tốt thôi, nhưng nó cũng ẩn chứa những tai họa, đối với những gì đã làm cho họ. Nói cách khác, quan điểm của Carnegie đã bị vô hiệu hóa bởi những đạo luật hiện hành của ông Benzon. Cuối cùng cầm nang bảo tồn của cải đã bị bác bỏ bởi các đạo luật.”

Tuy nhiên thì xét một cách khách quan, những chân lý của đạo Cơ đốc cũng bị các đạo luật bác bỏ, ví dụ như lời răn dạy “Con người không nên cướp bóc”. Chắc chắn những chân lý đúng đắn vẫn sẽ tiếp tục tồn tại. Nhưng trên thực tế, chân lý đó phải có giá trị cao hơn với những tiêu chuẩn công khai. Lý do luật lệ bị dỡ bỏ xuất phát từ sự không tuân thủ của người dân lại nằm trong quá trình hình thành luật và duy trì luật lệ. Cho nên, những luật lệ không bao giờ bị phá vỡ cũng sẽ không bao giờ yêu cầu tuân thủ.

Những cuộc tranh cãi liên quan đến “Cầm nang bảo tồn của cải” của Carnegie đã hấp dẫn ông Gladstone, khiến ông phát biểu rằng “Tôi đã hỏi ông Lloyd Bryce [chủ bút – Tạp chí miền Bắc nước Mỹ] để cho đăng bài báo rất thú vị về ‘Của cải’ của ông Andrew Carnegie vừa mới xuất bản tại Mỹ”. Sau khi xuất bản, bài báo tiếp tục được đăng lại tại một số tờ báo, tạp chí và ông Gladstone đã cho phép một nhà xuất bản tư nhân phát hành dưới dạng cuốn sách nhỏ.

Tất cả những điều này mang tính khích lệ cao, xã hội đang thực sự vận động đối với những sự kiện xung quanh nó. Ông Editor đã yêu cầu tiếp tục chủ đề “Cầm

nang bảo tồn của cải” và bổ sung một số cách thức để phân phát nguồn thặng dư của cải đóng góp cho xã hội. Chúng ta không bàn đến vấn đề quan điểm của Carnegie đã được đón nhận hay phê phán, nhưng chắc chắn nó nhận được sự quan tâm của rất nhiều người.

Luận điểm đầu tiên cho rằng, ở một số thời điểm, những người giàu nên sử dụng khối tài sản khổng lồ của mình trong lúc họ đang còn sống để mang đến lợi ích lâu dài cho cộng đồng. Khi họ đã chết đi, dù cho với khối tài sản sẵn có thì họ cũng không thể quản lý nó. Cho nên với những người để lại khối tài sản lớn mà không có sự cống hiến nào cho xã hội, dư luận sẽ chỉ nói về họ như những người không đáng kính trọng, dù cho họ giàu có. Tuy nhiên, mục đích chính của bài báo là tìm ra một số phương thức hiệu quả nhất để quản trị số thặng dư tài sản dành cho mục tiêu từ thiện. Những nhà triệu phú khi chấp nhận sẽ sử dụng tốt nguồn tài sản của họ khi đóng vai trò như người ủy thác của xã hội để sở hữu nguồn thặng dư đó. Họ sẽ sử dụng để hỗ trợ, khuyến khích những người nghèo nỗ lực vươn lên, cố gắng để cải thiện cuộc sống chứ không phải đưa đến cho họ sự bần cùng hóa, tụt hậu. Từ thiện không phải dành cho những kẻ lười biếng, vô vọng hay không thể cải thiện được mà thực sự nó phải mang tới hiệu quả và lợi ích cho những cá nhân nỗ lực để tiến bộ hơn. Từ thiện không nên dành cho những kẻ trông chờ vào tình thương của thành phố và đất nước để có cơm ăn, áo mặc, tìm được chốn nương thân. Điều này sẽ khiến những người nghèo, không may mắn trong cuộc sống

nỗ lực vươn lên, chăm chỉ làm việc sẽ bị thối chí. Một người có thể sống tốt trong xã hội nhờ vào ăn xin sẽ là mối nguy hiểm cho xã hội, và gây trở ngại rất lớn cho sự phát triển của loài người. Những người quản trị từ thiện vì mục đích từ thiện sẽ quan tâm tới những người chăm chỉ, tham vọng chứ không trao tất cả mọi thứ có sẵn cho họ. Đó là những người biết chăm lo cho cuộc sống của họ và có thể giúp đỡ chính bản thân họ. Họ xứng đáng được nhận sự giúp đỡ từ những người khác, từ đó gia tăng các cơ hội trong cuộc sống bằng nguồn tài trợ của những nhà hảo tâm.

Các nhà từ thiện mong muốn nỗ lực cống hiến vì những điều tốt đẹp bền vững cho thế giới cần quan tâm đến tính thực tế của món quà từ thiện trao tặng. Họ không nên sử dụng tài sản một cách bừa bãi, trao tặng những món quà mà rõ ràng không mang đến cho họ sự hài lòng nào về người xứng đáng được nhận. Họ phải nhớ tới sự thật mà ông Rice đề cập tới, đó là 950/1000 đô-la được trao tặng ngày hôm nay dựa trên cái gọi là lòng từ thiện đã đổ xuống sông xuống biển một cách vô ích. Từ kinh nghiệm nghiên cứu của tôi về người giàu, không cần thiết để thúc giục họ mang sự thừa thãi của mình để đánh đổi cái gọi là từ thiện. Chúng ta cũng cần phải hướng dẫn họ để ngăn chặn những món quà thiếu suy nghĩ và có hại cho cộng đồng. Thông thường, sai lầm của những người giàu xét trên khía cạnh này không phải là bỏ quên những người nghèo mà vì cách họ tham gia vào hoạt động từ thiện. Bởi họ không dành thời gian để cân

nhắc, và cũng vì dễ trao hơn là từ chối. Những người này thậm chí còn mang đến tội lỗi chứ không phải điều tốt đẹp cho cộng đồng. Thực sự họ đã làm chậm sự tiến bộ của loài người bởi vì họ khiến những người nghèo càng trở nên phụ thuộc vào tình thương của đồng loại. Sự tiến bộ của loài người chỉ có thể đạt đến khi bản thân mỗi người tự vươn lên. Lúc đó, một người giàu keo kiệt còn mang đến nhiều lợi ích cho cộng đồng hơn là một người giàu bất cần phung phí tiền bạc của họ thiếu khôn ngoan, dù họ phủ lên mình lớp vỏ từ thiện thiêng liêng, cao cả. Những người bố thí cho người ăn xin ngoài đường sẽ vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc này, nhưng có những xã hội và thể chế lại thu hút nguồn viện trợ này, gây hại cho cộng đồng. Những xã hội này cũng bằng hoại chẳng khác gì những người ăn xin. Trong chế độ có nhắc đến câu chuyện của một người ăn xin cầu xin sự bố thí của ông ta trả lời rằng: “Ta sẽ đưa cho nhà người mọi thứ ta có. Người sẽ là người ăn xin vĩ đại nhất. Và khi ta đưa cho người 3 đồng tiền, người sẽ nhận được ba sự nhàn cư, và đây cũng là căn nguyên của lối sống hèn hạ, đáng hổ thẹn”. Tuy nhiên có rất ít các nhà triệu phú, thực sự rất ít người không tạo nên những kẻ ăn xin vô dụng.

Nhận thức những điều này, những triệu phú chỉ nên chịu sự ủy thác của xã hội để cố gắng sử dụng một cách hiệu quả nguồn thặng dư tài sản cho lợi ích cộng đồng.

Một là, sự thành lập các trường học bởi những từ thiện sẽ mang lại vô số lợi ích cho cộng đồng. Những công dân giàu có như thế vô cùng cần thiết cho các quốc

gia. Tướng Standford đã bằng số tiền của mình thành lập nên trường đại học ở bờ biển Thái Bình Dương với chi phí lên tới 10 triệu đô-la. Ngoài ra ông còn mong đợi. Ông đáng được người đời ghen tị vì sự hào phóng của mình. Cho dù một nghìn năm sau đó, những nhà thuyết giáo sẽ tiếp tục ca ngợi ông, ca lên bài ca của người Griff:

*“Để ca tụng ư, ôi thua các quý bà,
Anh ta xứng đáng nhất. Nhiều người biết tới anh ta
Trung tâm văn hóa này,...
Chưa hoàn thành cũng đã nổi danh
Nghệ thuật tinh tế sẽ tiếp tục tỏa sáng
Người Cơ đốc sẽ ca ngợi đức hạnh anh ta”*

Thành lập trường đại học là một trong những phương thức hiệu quả quản trị từ thiện cho lợi ích cộng đồng. Chúng ta biết đến rất nhiều nhà từ thiện nổi tiếng. Nhưng cách nhìn nhận đối với họ cũng khác nhau. Chúng ta cũng không nên khen ngợi quá đáng đối với Johns Hopkins, Cornell, Packer và những người khác bởi họ đơn giản chỉ để lại di chúc tài sản của mình, khối tài sản mà khi chết họ không thể mang theo bên mình. Ngược lại Cooper, Pratt và Standford xứng đáng được người đời ca tụng, khâm phục vì thời gian và công sức mà họ bỏ ra trong suốt cuộc đời họ để đóng góp cho xã hội những món quà vô giá.

Khi nhắc đến bờ biển Thái Bình Dương không thể không nhắc tới công trình quan trọng rất đặc trưng,

khác biệt mới xây dựng gần đây - Đài thiên văn Lick. Nếu nhà triệu phú hào tâm nào quan tâm đến sự phát triển của ngành thiên văn học- là ngành quan sát những vật thể nhỏ nhất từ trên bầu trời. Thì họ nên tiếp tục đầu tư các thiết bị thiên văn học và ứng dụng để phát triển nền thiên văn học từ ngàn năm đến nay. Những chiếc kính thiên văn mới nên được trao tặng cho các Đài thiên văn trên lục địa này, phải dành những phát minh mới nhất về kỹ thuật để quan sát những gì tinh túy nhất từ vũ trụ, mang đến những kiến thức quý giá, để nghiên cứu mối quan hệ giữa trái đất và vũ trụ. Khi đề cập đến ngành thiên văn học, chúng ta phải biết ơn ông Thaw thuộc Pittsburgh, người đã hỗ trợ liên tục cho đài thiên văn. Đài thiên văn đã cho phép giáo sư Langley phát hiện ra những điều tuyệt vời nhất. Hiện nay, ông được biết đến như người đứng đầu của Học viện Smithsonian, người kế nghiệp xứng đáng của giáo sư thiên văn học Henry. Phối hợp với giáo sư Langley là ông Braeshier thuộc bang Pittsburgh, người sở hữu các thiết bị đài thiên văn học có ý nghĩa quan trọng đối với thế giới. Ông Braeshier chỉ là một thợ cối xay bình thường, nhưng ông Thaw đã nhận thấy khả năng tiềm ẩn của ông về thiên văn học và đã hỗ trợ cho ông nghiên cứu về vũ trụ. Người nông dân bình thường này đã trở thành một vị giáo sư, và trở thành một trong những nhà khoa học vĩ đại của thế giới. Thông qua viện trợ một phần tài sản của mình cho hai nhà thiên văn học nổi tiếng hiện nay, nhà triệu phú Thaw đã làm một công

việc vô cùng cao quý, ban tặng cho thành phố của họ các trung tâm khoa học khắp thế giới.

Thông thường rất ít người thành lập các trường đại học vì các trường được sử dụng lại cho nhiều thế hệ sinh viên, nhiều niên khóa. Mà thay vào đó, các nhà triệu phú sẽ tiếp tục tài trợ cho các trường đại học đã được thành lập. Trường đại học Yale đã thành lập từ ngàn xưa, nhưng các nhà triệu phú vẫn có thể đóng góp tiếp tục cho sự phát triển giáo dục tại đây Trường Fine Arts do Street sáng lập, trường khoa học Sheffield do Sheffield sáng lập, trường đại học Vanderbilt tại Nashville, quỹ của giáo sư Loomis dành cho thiên văn học Tennessee là những trường hợp điển hình. Bà C.J. Osborne xứng đáng nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt vì món quà thông thái mà bà hiến tặng cho xã hội. Bà đã xây dựng nên khu đọc sách. Cũng không thể không nhắc đến trường đại học Harvard, bảo tàng Peabody, các hội trường Wells, Mathews và Thayer. Chỉ với 100 nghìn đô-la, Hội trường Sever đã cho thấy cách quản trị từ thiện thông minh của thiên tài như Richardson. Trường đại học Vanderbilt ở bang Nashville Tennessee cũng là món quà ý nghĩa của “Cầm nang bảo tồn của cải”. Các thành viên trong gia đình Vanderbilt đã thành lập nên trường đại học trong lúc họ còn đang sống, ghi dấu nét đặc trưng quan trọng về dòng họ. Danh tiếng của dòng họ sẽ được lưu truyền, điều này vô cùng quý giá khi họ ra đi. Những quỹ từ thiện vì giáo dục tiếp tục truyền nhiệt huyết cho các thế hệ sau bởi tâm huyết của chính anh và những người khác chứ không chỉ đơn

thuần trao tặng của cải. Khi một nhà triệu phú muốn cống hiến cho xã hội, thì việc sáng lập nên các trường đại học có ý nghĩa vô cùng quan trọng với sự phát triển của quốc gia.

Hai là, thư viện công cộng là món quà vô giá cho những người ham học hỏi, mang lại cho xã hội những lợi ích thiết thực. Đây là những nơi tại những nơi đầu tiên cung cấp cho thể chế công cộng, hay như phần tài sản thành phố như trường công và thực sự. Theo đánh giá của tôi, thư viện công cộng là hình thức mang lại nhiều lợi ích xã hội so với các hình thức khác. Khi tôi còn là cậu bé công nhân ở bang Pittsburgh, Đại tá Anderson thuộc Allegheny- một người tôi tôn sùng- đã tặng 400 quyển sách cho các cậu bé. Mỗi chiều thứ bảy, ông thường có mặt ở nhà để cho mượn sách. Không có ai ngoài ông có thể cảm nhận được khoảng thời gian dài đằng dặc của ngày thứ bảy phải chờ đợi những cuốn sách mới dành tặng cho các cậu bé. Vào thời đó, anh trai tôi và ông Phipps vốn là người đồng hành kinh doanh vô cùng thân thiết với tôi, đã cùng nhau chia sẻ những cuốn sách ca ngợi lòng quả cảm trước đây của Thống chế Anderson. Tất cả chúng ta đều say mê đọc những cuốn sách bổ ích mà ông cho phép chúng ta mượn về. Khi đó tôi chỉ ước ao rằng nếu tôi giàu có, tôi sẽ lập các thư viện miễn phí cho những cậu bé nghèo hiếu học, để cho những cậu bé đó có cơ hội được học hỏi giống như những người khác. Chúng tôi đã biết ơn người đàn ông đó rất nhiều.

Nước Anh trước đây coi trọng giá trị của những thư viện công cộng cho tất cả mọi người. Thượng viện đã thông qua một đạo luật cho phép các thành phố thiết lập và duy trì các thư viện như là các thể chế thành phố; bất cứ khi nào khi bầu cử, người dân đều tán thành đạo luật này. Những nhà cầm quyền được phép thu của người dân chỉ trong phạm vi chỉ 1 xen tính trên giá trị của 1 pao. Dựa theo đạo luật này, hầu hết các thành phố đã có những thư viện công cộng. Rất nhiều thư viện là món quà của những người giàu, những người đã dùng quỹ của họ để xây thư viện, đôi lúc họ tặng sách. Tuy nhiên họ yêu cầu thành phố phải bảo tồn và tiếp tục phát triển các thư viện để có thể sử dụng hữu ích, lâu dài cho xã hội. Thư viện cũng có thể trở thành nơi để tụ tập, đàn đúm của một số người không vì mục đích đọc sách. Người dân cũng cần phải ngăn chặn điều này hay họ cũng cần phải tránh dùng thư viện với mục đích khác. Quy định này cũng có thể bị vi phạm đòi hỏi người phải giúp đỡ bản thân họ. Một kết quả khó đạt được khi mọi thứ đều có sẵn mà người dân không biết quý trọng, nâng niu, gìn giữ.

Rất nhiều thư viện công cộng được thành lập ở khắp nước, nhưng cách xây dựng thư viện Pratt ở Baltimore rất thông minh do sự cân đối các nguồn tiền trong tay. Ông Pratt đã xây dựng và đặt thư viện tại thành phố Baltimore với tổng chi phí hết một triệu đô-la. Ông đã yêu cầu thành phố trả 5% 1 năm tương đương với số tiền 50 nghìn đô-la 1 năm. Số tiền này chỉ cho người được ủy thác trông coi thư viện để bảo tồn và phát triển

thư viện và các chi nhánh của nó. Trong suốt năm 1888, 430.217 quyển sách đã được phân phối, 37.196 người dân Baltimore đã đăng ký thẻ thư viện. 37.000 người lui tới thường xuyên thư viện Pratt là tài sản quý giá cho Baltimore, cho Bang và cả nước, hơn là những người nghèo lười biếng và vô vọng ở khắp thành phố này. So với những người giàu có khác, ông Pratt đã có những cống hiến vĩ đại vào tiến trình phát triển của loài người để giúp đỡ những ai không thể giúp đỡ bản thân mình. Những nhà quản trị từ thiện thông minh nguồn thặng dư tài sản của mình đã truyền lên ngọn lửa khát khao vươn lên trong cuộc sống để rồi ngọn lửa ấy lại tiếp tục rực cháy lên. Nhưng những nhà từ thiện hoang phí không chỉ không thắp sáng lên ngọn lửa không thể cháy được mà còn gieo vào sự trì trệ, chậm chạp mà như một căn bệnh gặm nhấm xã hội, ảnh hưởng xấu tới cả toàn thể cộng đồng. Một triệu đô-la của ông Pratt rất quan trọng, tuy nhiên cách sử dụng số tiền trên còn có ý nghĩa quan trọng hơn. Khi thư viện thứ 5 được mở tại Baltimore, người phát biểu:

Những gì ông Pratt đã làm trong 4 năm qua đã khiến cho tôi nhận ra rằng rất nhiều, rất nhiều điều đều do niềm đam mê mãnh liệt mà thành. Ông không bao giờ cảm thấy sự đóng góp tài sản của mình cho lợi ích xã hội là điều mà xã hội yêu cầu ông. Sự tinh tế ở ông thể hiện ở chỗ, ông đã lao động miệt mài để những đóng góp của mình trở nên hiệu quả nhất, hữu ích nhất cho nhân dân. Ông đã xua đi đám mây đen bay ngang qua bầu trời mang đến niềm vui, hạnh phúc cho những công chức, người lao động, trẻ con. Niềm

tin vào những cống hiến trung thành vì lợi ích cho xã hội sẽ nhận được những đồng tình, ủng hộ chân thành.

Đây là bức tranh sáng sủa mà tôi nhìn thấy được ở tầng lớp người giàu. Ông Pratt là một mẫu hình lý tưởng của “Cầm nang bảo tồn của cải”. Chúng ta không cần sợ rằng phần lớn những người lao động sẽ không nhận thức được những người chủ của họ tốt bụng và là những đồng minh vô cùng quý giá với họ. Vấn đề giàu và nghèo, ông chủ và kẻ làm thuê sẽ được giải quyết trên thực tế khi những người giàu quản trị từ thiện trong khi họ đang sống để mang lại những lợi ích thiết thực cho xã hội. Sẽ không còn tồn tại giữa các giai cấp, rồi một ngày không xa, những người ở tầng lớp cao hay tầng lớp thấp, khi đó những người giàu và những người nghèo thực sự là những người anh em với nhau.

Không có nhà triệu phú nào cố tìm cách thành lập các thư viện công cộng rồi lại tiếp tục duy trì và phát triển nó. Chúng ta nên ghi nhớ những lời của John Bright: “Không có món quà nào giá trị hơn dành cho những người trẻ là cơ hội để đọc sách ở các thư viện công cộng”. Hiệp hội Cooper có các thư viện, ở những nơi có thể, nên dành một số phòng cho triển lãm tranh, hay bảo tàng; hoặc hội trường lớn cho các cuộc hội nghị, giới thiệu triển lãm cung cấp chỉ dẫn tại các quầy ở đại sảnh, hành lang của Thư viện. Những du khách đến từ nhiều châu lục trên thế giới đánh giá rất cao những bảo tàng, triển lãm nghệ thuật ở những thành phố họ đi qua, chúng có thể lớn hoặc nhỏ những đều là kho tàng gồm những món đồ quý giá, những quà tặng để lại lưu giữ

những nét đặc trưng của địa phương, thành phố. Thư viện và Bảo tàng nghệ thuật Birmingham đang tiếp tục được các nhà từ thiện trao tặng sách, tranh hay các tác phẩm nghệ thuật. Điều mà các thành phố đó cần làm là xây dựng hệ thống phòng cháy để phòng các sự cố ở các tòa nhà này. Những công dân của thành phố ở khắp nơi trên thế giới sẽ sưu tập những món đồ, tác phẩm hiếm và quý để gửi về bổ sung vào bộ sưu tập của thành phố. Theo đó, bộ sưu tập của thành phố ngày càng đa dạng và phong phú nhờ sự góp nhặt của các công dân. Điều mà chúng ta sẽ thấy tự hào khi chia sẻ với du khách thế giới. Chúng ta cũng có thể thấy được phương thức quản trị từ thiện hiệu quả ở bảo tàng nghệ thuật Metropolitan ở New York, mở ra con đường mới để sử dụng các nguồn thặng dư tài sản hợp lý.

Ba là, chúng ta đầu tư rất nhiều vào các khu hành chính để thành lập hay mở rộng các bệnh viện, các trung tâm chăm sóc y tế, các khu thí nghiệm và các trạm chăm sóc sức khỏe, đặc biệt để chữa trị các căn bệnh cho con người. Không có mối nguy hiểm nào trong việc bản cùng hóa cộng đồng khi đưa ra những hình thức với mục đích cao đẹp như vậy, bởi những thể chế như vậy làm dịu bớt đi nỗi thống khổ do bệnh tật hay che chở cho những ai không còn hy vọng sống. Món quà nào quý giá bằng một thư viện cho cộng đồng mà không phải? Khi các bệnh viện được xây dựng thì sử dụng tài sản để công ích cho xã hội là. Món quà Vanderbilt nửa triệu đô là cho Trường Học viện Trung tâm y khoa cho các phòng nghiên cứu cũng là một trong những cách

khôn ngoan sử dụng của cải. ngăn chặn bệnh tật bằng cách thấu hiểu nguyên nhân gây bệnh. Các nhà triệu phú cũng đã thiết lập rất nhiều phòng thí nghiệm, nhưng nhu cầu vẫn còn rất lớn.

Không có trường y tế nào không có phòng thí nghiệm. Cũng như với các trường đại học, ông Osborne đã thể hiện sự tài tình khi sử dụng tài sản thặng dư của mình bằng việc xây dựng trường dạy các y tá nữ tại Cao đẳng Bellevue. Nếu như món quà quý giá với mục đích sử dụng thông minh này phát huy chỉ một nửa, thì điều đó cũng làm hài lòng nỗ lực đáng kể nhất. Nhưng chỉ với những ai đã trải qua khoảng thời gian sống lay lắt bởi bệnh tật sẽ cảm thấy vô cùng biết ơn sự quan tâm chăm sóc, các khéo léo của các y tá nữ được đào tạo cẩn thận. Thuê mướn các y tá đã không khí và ảnh hưởng của người phụ nữ, Điều này không chỉ của nước Mỹ, mà là phân biệt trong đất nước này nhận thấy những khác biệt so với các quốc gia khác, gần đây đã thấy những bà vợ trên các lớp học.

Bốn là, xây dựng các công viên cũng không phải là ý kiến tồi nhằm mang lại hiệu quả cao cho xã hội, người dân chịu trách nhiệm gìn giữ, làm đẹp cảnh quan, và bảo tồn công viên không bị xâm phạm. Không có công trình tưởng niệm hữu ích và đẹp đẽ nào để lại bởi người hơn là công viên cho thành phố nơi mà họ sinh sống lâu dài, cũng không có sự tôn vinh nào lớn hơn của người dân dành cho đóng góp của họ bằng cách đặt tên họ cho mà họ trao tặng. Tháng trước sự kiện bà Schenley trao tặng công viên rất lớn cho thành phố Pittsburg hoàn

toàn xứng đáng biểu dương. Bà Schenley sinh ra ở Pittsburgh, nhưng vào độ tuổi thanh xuân đã kết hôn với người đàn ông người Anh. Hơn 40 năm bà sinh sống ở London giữa thế giới xa hoa và tước vị cao quý nhưng vẫn quay trở về quê hương tặng Công viên Schenley mang tên bà. Vì vậy mục đích sử dụng cao quý của khối tài sản đã khiến bà trở thành nhà quản lý khôn ngoan tài sản của chính mình. Khi hình thành nên công viên, vẫn còn nhiều việc cần đóng góp của các nhà hảo tâm. Ông Philips thuộc bang Allegheny đã tặng nhà kính trồng cây ở công viên này, thu hút rất nhiều khách tham quan hàng ngày và lôi cuốn hàng ngàn người lao động vào các ngày chủ nhật, tuy nhiên ông đã không khôn ngoan khi yêu cầu quy định nhà kính chỉ được mở cửa vào chủ nhật. Với những người yêu hoa giàu có, tôi rất tán thưởng họ đóng góp cho xã hội giống như ông Phipps đã làm, và có là người trao tặng hào phóng, vì ông đã yêu cầu thành phố bảo tồn các khu nhà kính và do đó bảo đảm chúng mãi mãi sẽ được phục vụ cho dân chúng. Thành phố sẽ tiếp tục mang lại thú vui thưởng thức món quà thiên nhiên của công chúng, cũng như chịu trách nhiệm trong công tác bảo tồn các khu nhà kính. Ông đã thực hiện quản lý và duy trì các khu nhà kính, chắc chắn rằng sự quan tâm chung trong món quà trao tặng sẽ không bao giờ được nhận thức.

Các công viên và sân chơi ở các thành phố nhỏ khắp Châu Âu không kém phần gây ngạc nhiên so với các thư viện, bảo tàng và triển lãm nghệ thuật. Tôi không thấy gì dễ chịu hơn khi nghỉ mát tại đồi ở Bergen, ở Thụy điển.

Ngọn đồi đã một trong những nơi vô cùng ấn tượng với những sân chơi, suối, thác nước, những rặng cây rì rào, những bậc thang uốn lượn, các bức tượng trang hoàng cho sườn núi trước đây vốn cằn cỗi. Hiến tặng những cảnh quan tươi đẹp cho thành phố rất đáng để các nhà triệu phú lưu tâm, để ban tặng lợi ích lâu dài cho xã hội. Những phong cảnh hấp dẫn, tươi đẹp được hỗ trợ bởi các nguồn tài sản của các nhà hảo tâm có thể thấy nổi bật ở Dresden (Đức). Một ủy ban nghệ thuật đã quyết định sẽ thường xuyên tổ chức giới thiệu một số tác phẩm nghệ thuật, hay thay đổi những tác phẩm được giấu một cách tinh tế, và khi, Tuy nhiên thông qua Sau khi tác phẩm nghệ thuật hoàn thành, nó đã được trao tặng cho thành phố mãi mãi. Tôi xin được phép bày tỏ sự khen ngợi đối với nhà triệu phú- chủ tạp chí của chúng ta như trường hợp điển hình của công dân của thủ đô của Saxony.

Không có thành phố nổi tiếng nào trong lịch sử các quốc gia cổ đại lại thiếu đi những kiến trúc, công trình nguy nga, tráng lệ. Rất nhiều thành phố đã tạo được hiệu quả thẩm mỹ đặc biệt từ cách trang hoàng, tô điểm các công trình kiến trúc. Chúng ta không thể sánh được những công trình ở phía bên kia Đại Tây Dương. Nước Mỹ nổi tiếng về nền cộng hòa và không có đối thủ về sự phát triển của cải vật chất, nhưng không có chỗ đứng nếu xét về mặt nghệ thuật và những công trình kiến trúc tinh tế.

Trong khi những của công viên cho công đồng được xem là phương pháp quản trị từ thiện hiệu quả, thì

những công trình bảo tồn cảnh quan hay các tòa trường niệm, các khu triển lãm tác phẩm nổi tiếng cũng mang đến những hiệu quả tích cực cho xã hội. Với cái nhìn thực tế, những công trình nghệ thuật không phải dễ dàng nhận ra giá trị của nó thông qua các giá trị vật chất hữu hình, nhưng chỉ khi công trình nghệ thuật đó phục vụ cho nhiều người, cho những mong muốn, ước mơ của tất cả mọi người. Các thư viện và bảo tàng, với các công trình nghệ thuật khác biệt đã mang tới những giá trị to lớn cho mọi người. Nhiều người cho rằng con người nên hướng tới cảm giác về cái đẹp trong tâm hồn và vẻ đẹp tự nhiên của hơn là chỉ sống trong tương tượng. Những ai vươn tới những vẻ đẹp siêu phàm không có thực sẽ không cảm nhận được vẻ đẹp cuộc sống xung quanh. Về phần tôi, tôi cho rằng ông Phipps đã đầu tư đúng đắn vào nhà kính ở Allegheny rực rỡ hoa, phong lan hay những thực vật dưới nước để mang lại cho người công nhân những giờ phút sáng khoái bên vợ con họ, nuôi dưỡng tình yêu thiên nhiên, con người hơn là chỉ mang tới cho họ thức ăn. “Con người không thể sống chỉ bằng bánh mì”.

Năm là, chúng ta cũng có thể nhìn thấy tiềm năng hữu ích của việc sử dụng thặng dư tài sản qua việc cung cấp cho thành phố của mình những hội trường lớp cho các cuộc hội nghị, hay cho các buổi hòa nhạc. Các thành phố của chúng ta hiếm khi sở hữu những hội trường lớn vì những mục đích này, thua xa các thành phố châu Âu khác. Tòa Springer ở Cincinnati là tài sản vô cùng quý giá cho thành phố này, được góp công bởi ông Springer

trong lúc ông còn sống. Quan trọng hơn, ông còn góp thời gian và tài năng kinh doanh để đảm bảo đạt được kết quả thành công cao. Đặc biệt, hội trường lớn là món quà vô giá cho những thành phố nào chưa có nơi tập trung các sự kiện trên cho cộng đồng dân cư. Người dân chỉ có thể tổ chức truyền dạy hay phổ biến kiến thức hay giải trí cho âm nhạc khi lợi ích của nó khá lớn, vì họ phải đi thuê hội trường, thậm chí ngay cả khi có hội trường phù hợp thì những nơi này cũng rất hiếm do những nhà quản lý rất dễ gặp rủi ro tài chính khi kinh doanh hình thức này. Nếu mỗi thành phố của nước ta có thể sở hữu hội trường miễn phí hay được cho thuê với giá thấp. Không ai được phép đánh giá thấp ảnh hưởng của các hình thức vui chơi, giải trí hay các chú hề, khi thường thức các hình thức này cuộc sống của con người trở nên vui vẻ hơn và khiến họ hướng thiện. Nếu một triệu phú sinh ra tại một làng quê nhỏ giờ đã trở thành một thành phố lớn nên ghi nhớ những ngày tháng thành công của anh ta bằng cách làm điều gì đó để kỷ niệm ngày sinh của mình. Món quà kỷ niệm sẽ có ý nghĩa rất lớn nếu đó là hội trường chung cho thành phố miễn là thành phố đó đồng ý duy trì và sử dụng nó.

Sáu là, xét về một số khía cạnh, chúng ta vẫn thua kém rất nhiều so với châu Âu. Một hình thức từ thiện tuy không phổ biến đó là cung cấp bể bơi cho người dân. Người khá thông minh khi yêu cầu thành phố bảo trì bể bơi bởi chính. Tuy nhiên ở nhiều thành phố, các học sinh được miễn phí trong một số giờ cố định vào ngày đã, những thời điểm khác cho cả sinh viên nam và

sinh viên nữ để sử dụng hồ bơi lớn, một số giờ và một số ngày cố định dành cho phụ nữ trung niên. Hiệu quả khá cao cho sức khỏe cộng đồng ở những khu vực đất liền đó là những người trẻ tuổi được dạy bơi. Các câu lạc bộ bơi lội được thành lập và tổ chức các giải khá thường xuyên. Những thống kê được công bố bởi rất nhiều câu lạc bộ bơi lội khắp nước Anh cho thấy có nhiều trường hợp đã được cứu sống bởi những ai may mắn thoát khỏi nạn đắm tàu do được dạy bơi ở bể bơi và cũng không hiếm trường hợp đưa ra những học sinh có khả năng cứu sống những người khác.

Bảy là, xây nhà thờ cũng là phương thức sử dụng nguồn thặng dư tài sản có chủ đích duy trì mãi với thời gian bởi vì tôn giáo luôn luôn tồn tại khi con người còn tồn tại. Do đó đóng góp cho nhà thờ thuộc về ý thức của mỗi người, có ý nghĩa đối với cả cộng đồng và với tầng lớp mộ đạo đó. Tuy vậy, những nhà hảo tâm giàu có cũng nên biết rằng những vùng miền nghèo nàn, lạc hậu tụ họp trong nhà thờ gỗ đơn sơ tại các giao lộ để những người hành xóm, láng giềng tụ tập vào những ngày chủ nhật, để giảng dạy các học thuyết, và cũng là trung tâm của cuộc sống xã hội và cố kết cộng đồng. Nhà quản trị biết cách biến một phần tài sản của mình hữu dụng hơn nếu họ thay thế công trình xây dựng nhà thờ trở nên chắc chắn bởi các khối đá, gạch, gạch granite, bên ngoài bao phủ bởi những cây kim ngân và các loại dây leo có hoa nhỏ, từ những tòa tháp đó, tiếng chuông nhà thờ ngân lên. Những nhà triệu phú không nên tính đến giá cả của xây dựng tòa nhà, mà quan tâm đến hoàn thành

nhà thờ lý tưởng. Nếu như họ có nhiều tiền hơn nữa, nhà thờ nên đượ xây bằng các loại đá quý, để có ảnh hưởng giáo dục của hình tượng thanh cao về kiến trúc, được xây dựng như những kim tự tháp sống mãi với thời gian, những khối kiến trúc không thể được đo lường bằng tiền. Ngôi nhà của người nông dân, trái tim và khối óc của khu vực sẽ được bởi vẻ đẹp và sự hùng vĩ của nhà thờ và những cậu bé sẽ nhìn không chớp mắt chiêm ngưỡng những khung cửa sổ rực rỡ màu sắc và say mê nghe những thanh âm từ tiếng đàn trong nhà thờ nghe như tiếng của thiên thai. Ở nơi này, cậu bé sẽ nhận được bức thông điệp đầu tiên từ trong tinh thần bị cuốn đi bởi vương quốc xinh đẹp và mê đắm xa rời cuộc sống vật chất và hoàn cảnh thực tại bao quanh cậu trong thế giới bình thường hàng ngày - thế giới thực, ở vương quốc mới mẻ này dấu cho ranh giới mơ hồ, khó xác định. Chỉ sống trong vòng quay ma thuật đó, những người dân ở đó sống cuộc sống nội tâm quý giá vô cùng so với vẻ bề ngoài của họ, những ngày của họ, những chiến thắng vẻ vang và những thử thách gian nan, những điều họ thấy, những điều họ nghe và tất cả những điều họ nghĩ, những điều họ làm, đều trở nên thiêng liêng bởi ánh sáng chói lòa rực rỡ soi rọi từ thế giới bên trong, ca ngợi mọi điều, và giữ cho mọi thứ trở nên tốt đẹp. Dù cho trao tặng nhà thờ, những nhà từ thiện nên chỉ dừng tại đây, trông nom nhà thờ nên là trách nhiệm của tất cả người dân. Không có tôn giáo đích thực nào trong giáo hội hay những điều tốt đẹp

thường dạy trong nhà thờ mà không xuất phát từ chính cái tâm của con người.

Có rất nhiều phương thức khôn ngoan để quản trị tài sản từ thiện phục vụ cho lợi ích xã hội. Tôi chỉ đề cập đến một vài cách thức trong số đó và về những nhà triệu phú có gia sản khổng lồ sử dụng một phần tài sản đó một cách thận trọng cho xã hội. Nhưng đây không phải là đặc quyền riêng những nhà triệu phú cống hiến vì mục tiêu nhân đạo, giúp ích cho cộng đồng. Ai cũng có quyền đóng góp cho xã hội. Mỗi người dù cho họ sở hữu số tiền nhỏ đi nữa thì vẫn có thể kết hợp với những người khác để làm từ thiện, và ngay cả những người không có trong tay tài sản gì thì họ vẫn có thể đóng góp thời gian của mình để giúp ích cho cộng đồng, đây cũng là tài sản vô cùng quý giá.

Khó có thể mong đợi hay kỳ vọng xây dựng công thức chung sử dụng thặng dư tài sản hiệu quả nhất cho xã hội. Đối với những người khác nhau ở các địa điểm khác nhau, chúng ta có rất nhiều phương pháp quản trị từ thiện. Tuy nhiên miễn sao khi họ đóng góp tài sản của mình cho xã hội thì đều xuất phát từ chính trái tim của họ. Quan trọng không kém so với nhiệt tình cống hiến vì mục tiêu nhân đạo tối thượng mà họ theo đuổi.

Ngoài ra, có rất nhiều việc từ thiện cần đến bàn tay của những nhà hảo tâm giàu có vì mục tiêu chung cho sự phát triển loài người. Những người xây dựng trường học, thư viện hay các phòng thí nghiệm cũng giống như những người đóng góp để làm đẹp công viên, tập hợp

bộ sưu tập tranh cho cộng đồng hay xây dựng các tòa nhà tưởng niệm. Họ đều là những con ong chăm chỉ góp sức xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn. Điều đáng lưu ý trong chân lý của cải là nguồn thặng dư tài sản từ bàn tay của ai thì nên được quản trị bởi chính người đó vì mục đích do bản thân họ nhận thấy. Họ là những người chăm lo cho mục tiêu mang lại những điều tốt đẹp nhất cho tất cả mọi người. Đây là công việc tiếp nối, khi họ ra đi thì họ cũng không thể mang theo những gì họ đạt được trên đời. Họ sẽ truyền lại cho những người bạn của mình để tiếp tục nhiệm vụ đó. Điều này cũng không đòi hỏi sự hy sinh lớn lao hay trách nhiệm nặng nề nào cho những người tiếp theo.

Thời gian khi những lời những người giàu bước vào thiên đàng sẽ được xem là điều khó nói. Ngày nay, khi những câu hỏi đã được giải thích tường tận và những tiêu chuẩn của lòng trung thành. Từ thuở sơ khai của loài người xuất hiện chúa Giê Su, có nhiều bằng chứng cho thấy tổ tiên đã biết chống lại những người giàu, thì thời đại bây giờ cũng vẫn đấu tranh chống lại người giàu. Không có gì gay gắt nhiên cho các sinh viên ngành phát triển xã hội học khi xã hội trích đoạn từ cuốn kinh thánh nói rằng “Một con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn là người giàu được lên thiên đàng”. Thậm chí ngay cả khi cái kim đó có cánh cửa sổ nhỏ ở lối vào thì những lời trên ám chỉ rằng sẽ rất khó khăn cho những người giàu. Đó là đối với nhà thần học theo chủ nghĩa cho rằng người nào chết trong cảnh giàu có sẽ chết

trong sự ghét bỏ, kiếp sau sẽ bị trừng phạt hay bị sống trong cảnh nghèo khổ.

Cầm nang bảo tồn của cải là sự lặp lại những lời giáo huấn của chúa Giêsu. Chân lý đó kêu gọi những người giàu trao tặng những gì họ có để giúp đỡ những người nghèo bằng việc, trước khi họ nằm xuống và trở về với mẹ Trái đất. Làm như vậy, khi bước vào thế giới vĩnh hằng, họ không còn là những kẻ ích kỷ sở hữu những đồng tiền vô dụng nữa. Họ nghèo, rất nghèo về tiền bạc, nhưng họ rất giàu, giàu trong sự cảm phục, yêu mến, kính trọng của những đồng loại của họ. Một tiếng nói nhẹ nhàng, êm ái sẽ được cất lên rằng, bởi vì họ đã sống cuộc sống ý nghĩa, mang đến cuộc sống tốt đẹp hơn cho thế giới bao la, rộng lớn này. Chắc chắn rằng khi họ giúp đỡ những người nghèo, cánh cửa tới thiên đàng sẽ mở rộng cho họ.

Carnegie đã sống đúng như những gì ông nói. Mặc dù ông tiếp tục kinh doanh, tích lũy tài sản cho đến những năm 1890, ông vẫn tiếp tục phát triển các cách thức năng động để giải quyết xung đột, đặc biệt từ sau cuộc đình công đẫm máu Homestead. Giải thưởng Người sản xuất thép vĩ đại nhất do Ủy ban giải quyết tranh chấp Công nghiệp trao tặng vào năm 1912 là minh chứng hùng hồn cho những nỗ lực không ngừng nghỉ trong sự nghiệp của ông.

Thượng nghị viện Mỹ. Mối quan hệ giữa công nhân và nghiệp chủ. Các báo cáo cuối cùng và chứng thực được đệ trình lên Địa hội bởi Ủy ban về

Mối quan hệ giữa công nhân và nghiệp chủ bởi Đạo luật ban hành vào 23 tháng Tám năm 1912. (Đại hội lần thứ 64, phần thứ nhất, tư liệu số 415. (Văn phòng chính phủ Washington, DC, 1916), Mỹ, trang 8286, 8290-8282.

TƯỜNG TRÌNH CỦA ANDREW CARNEGIE

Ngài chủ tịch WALSH: Mời ngài ngồi.

Ông CARNEGIE: Cảm ơn ông.

Ngài chủ tịch WALSH: Xin ngài cho biết quý danh.

Ông CARNEGIE: Andrew Carnegie.

Ngài chủ tịch WALSH: Ngài sống ở đâu, thưa ông Carnegie?

Ông CARNEGIE: Số 2, phía Đông đường số 91, New York.

Ngài chủ tịch WALSH: Công việc của ông là gì?

Ông CARNEGIE: Nhiệm vụ của tôi là cố gắng làm tốt nhất có thể khi còn sống trên thế giới này. Tôi muốn nghỉ hưu để theo đuổi mục tiêu này...

Đây là thời điểm cách đây 14 năm kể từ khi tôi nghỉ hưu, theo đuổi đến cùng quyết định của mình, dừng việc tích lũy của cải, và bắt đầu đóng góp phần thặng dư tài sản của mình, điều mà đến giờ tôi vẫn cam kết thực hiện theo.

Vào năm 1888, tôi đã đăng bài báo trên Tạp chí miền Nam nước Mỹ, sau này ông Gladstone đã gọi là “Chân

lý của của cải”. Ông đã đọc bài báo này của tôi ở Anh, và sử dụng để bình luận cho tương lai những năm Thế kỷ thứ 19. Bài báo đã gây được sự chú ý cho độc giả và nhiều câu hỏi bày tỏ sự quan tâm đã được gửi tới tạp chí này. Tôi trích dẫn một đoạn từ “Chân lý của của cải” bởi đây là chân lý của chính tôi mà tôi đã tuân theo và dốc sức theo đuổi trong 15 năm kể từ khi từ bỏ công việc kinh doanh. Điều này được đề cập trong “Vấn đề giữa giàu và nghèo” như sau:

“Theo cách đó, vấn đề giữa giàu và nghèo sẽ được giải quyết. Quy luật tích lũy của cải và quy luật phân phối lại của cải cho xã hội vẫn tiếp tục tồn tại. Chủ nghĩa cá nhân vẫn tiếp tục phát triển, tuy nhiên những nhà triệu phú sẽ không chỉ là nhà ủy thác cho người nghèo, mà để lại tài sản cho cả cộng đồng, để rồi tài sản đó lại được nhân rộng ra giữa những người dân. Tài sản của trí tuệ, năng lực, phẩm chất làm người. Những ngày mới tươi đẹp bắt đầu. Những người ra đi mà không có sự thương cảm nào từ phía đồng loại của họ vẫn để lại giá trị tài sản, chia sẻ những doanh nghiệp kinh doanh lớn từ đó nguồn vốn của họ sẽ không thể hay không bị rút đi, và sẽ tiếp tục phát huy giữa cộng đồng dân cư. Khi những người giàu ra đi, thì họ cũng không thể đem số của cải sang thế giới bên kia. Vậy thì tại sao họ lại chịu chết một cái chết “không ai thương tiếc, không người kính trọng, không kẻ ngợi ca” dù để lại sau lưng hàng triệu đô-la. Các nhà triệu phú nên lưu ý đến điều này, để không bị dư luận đánh giá là vô giá trị đối với cuộc sống khi họ ra đi.”

“Những quan điểm của tôi ở trên là chân lý đúng đắn liên quan tới sự giàu có, một ngày nào đó những người tuân theo quan điểm này sẽ giải quyết được vấn đề giữa người giàu và người nghèo, mang tới sự hòa bình cho trái đất, khi đó sẽ chỉ còn lại những điều tốt đẹp giữa người với người”.

Sống đúng với lý thuyết tôi đưa ra, hành động đầu tiên của tôi khi từ giã sự nghiệp kinh doanh là trao tặng 5 triệu đô cho những người công nhân thuộc Công ty thép Carnegie như món quà chia tay, 4 triệu đô để trợ cấp cho họ và 1 triệu đô để duy trì các thư viện, hội trường tôi đã xây dựng. Tôi nói “Tôi” bởi vì những người cộng sự của tôi không góp phần trao tặng món quà này. Những người bạn của tôi cũng rất nghèo và không có điều kiện để chia sẻ phần thặng dư tài sản và do đó cũng không cần phải đòi hỏi họ làm như vậy”.

Sau này, tôi đã rất vui mừng khi Hiệp hội thép nước Mỹ cũng đã đồng ý với quan điểm của tôi cùng tham gia đóng góp, gấp đôi số tài sản để trao tặng 4 triệu đô trợ cấp lương hưu cho công nhân...

Quý “người tốt việc tốt” gây ảnh hưởng sâu sắc đối với tôi bởi vì nó liên quan tới kỷ niệm cá nhân của tôi đối với người đó. Ông Taylor người giám sát của nhà máy than trước đây gần Pittsburgh, đã một vụ tai nạn đã xảy ra và ngay lập tức đã được chuyển tới nhà máy, kêu gọi những người tình nguyện đi xuống cứu những người công nhân đang bị kẹt dưới hầm mỏ than. Ngay

lập tức, đã có rất nhiều người tình nguyện và nhiều người công nhân đã được cứu thoát, nhưng ông Taylor, người anh hùng tham gia giải cứu đã bị hy sinh. Ông thực sự là người anh hùng của nhân loại, một người đã cứu vớt những đồng loại của mình. Người anh hùng trong thời tiền sử thì sẽ sống hạnh phúc mãi mãi. Nhưng đây là thời đại văn minh, và ông đã chết đi. Tôi không thể nghỉ ngơi cho đến khi tôi thành lập quỹ với tổng vốn huy động tới 11,790,000 đô-la. Đó là mức giá tính theo giá trị hiện nay. Bản báo cáo của cuộc họp hàng năm được tổ chức tại Pittsburgh vào ngày 20 tháng 1 ghi chi tiết phần thưởng trao tặng cho những người dũng cảm hay cho vợ con và gia đình của họ, với 1,027 giải thưởng từ khi quỹ bắt đầu hoạt động. Mỗi một trường hợp thường được điều tra cẩn thận. Chúng ta không muốn trao tặng cho những anh hùng giả danh, nhưng muốn một bằng chứng chắc chắn, và của rất nhiều thành phố và các cơ quan khác cũng rất sẵn lòng giúp đỡ chúng ta. Chúng ta mong muốn một sự thật bảo đảm và các bằng chứng được chứng thực.

Học viện Carnegie của Pittsburgh, một trong những món quà lớn nhất tôi đã không được đề cập đến. Học viện trị giá hơn 24 triệu đô-la và hơn 3.000 sinh viên từ 42 bang, 1.288 là những người xuất thân từ ngành công nghiệp, con cái của những người công nhân của chúng ta, cố gắng cải thiện cuộc sống. Học phí chỉ mang tính tượng trưng, trung bình 25 đô-la 1 năm, chỉ bằng 1 phần 5 cho tới 1 phần 10 học phí thông thường phải trả. Học

phí thấp nhất mà tôi được biết ở nơi khác là 150 đô-la 1 năm, cao nhất là 500 đô-la. Chúng ta chỉ thu 25 đô-la. Khi mở học viện, chúng ta đã huy động 4,000 người trẻ tuổi vào học viện, vì thế học phí rất thấp...

Shakespeare đã đi trước chúng ta khi bàn về vấn đề giàu và nghèo như sau: “Cần phải có sự phân phối lại trong xã hội. Mỗi người chỉ nên hưởng vừa đủ.” Tư tưởng này đang dẫn đường cho thời đại của chúng ta, nhưng thực hiện được điều này đòi hỏi nhiều thế kỷ phát triển. Nhưng chậm mà chắc, điều này sẽ đảm bảo sự phát triển bền vững cho loài người trong cuộc sống.

Tính đến nay – tới thời điểm gần cuối năm nay, công ty chúng ta đã đóng góp tổng cộng 324.657.399 đô-la cho các trường đại học, học viện và các món quà từ thiện.

Kính thưa Ngài chủ tịch và các quý ông, chúng ta có sáu trường đại học đồng thời có sáu giám đốc, nhưng chỉ chỉ ba trong số đó có mặt tại đây để trả lời những câu hỏi này. Tuy nhiên, dù bất kỳ thời gian nào, họ sẽ lấy làm vinh hạnh để giải đáp thắc mắc của quý vị. Chúng ta không có gì để giấu quý vị.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự chú ý theo dõi của các ông.

DOANH NHÂN & TẬP ĐOÀN

1. **Sam Walton – cuộc đời kinh doanh tại Mỹ**, tác giả: Sam Walton – John Huey, số trang: 400, giá bìa: 59.000đ
2. **Thomas Watson – con người phi thường và cỗ máy IBM**, tác giả: Kevin Maney, số trang: 542, giá bìa: 69.000đ
3. **Lý Gia Thành**, tác giả: Anthony B.Chan, số trang: 384, giá bìa: 69.000đ
4. **Tự truyện Andrew Carnegie**, tác giả: Andrew Carnegie, số trang: 492, giá bìa: 59.000đ
5. **Google**, tác giả: David A. Vise, số trang: 486, giá bìa: 79.000đ
6. **Made in Japan: Chế tạo tại Nhật Bản**, tác giả: Akio Moita, số trang: 520, giá bìa: 59.000đ
7. **Đường lối lãnh đạo HP**, tác giả: David Packard, số trang: 216, giá bìa: 28.000đ
8. **Công thức tuyệt mật**, tác giả: Frederick Allen, số trang: 653, giá bìa: 129.000đ
9. **Henry Ford – cuộc đời và sự nghiệp của tôi**, số trang: 424, giá bìa: 47.000đ
10. **Trí tuệ kinh doanh châu Á**, tác giả: Dinna Louise C.Dayao, số trang: 328, giá bìa: 44.000đ
11. **Xu thế không gì ngăn cản nổi**, tác giả: Trương Minh Chính – Trần Di Trân, số trang: 349, giá bìa: 69.00đ
12. **Inside Intel**, tác giả: Tim Jackson, số trang: 614, giá bìa: 84.000đ